PHÁP GIỚI ĐỒ KÝ TÙNG TỦY LỤC

QUYỂN HẠ
(PHẦN 2)

Văn nói rằng: Hai được ích, nói là Đà la ni: Vì tổng trì, như dưới đây:

Thuyết trong phương pháp đếm mười tiền nói: Thật tế, nghĩa là vì cùng cực pháp tánh. Trung đạo: Vì dung thông hai biên. Ngồi, người ngồi, vì thu giữ tất cả, nên an tọa giường báu rộng lớn của mười thứ Niết-bàn của pháp giới, vì thu giữ tất cả nên gọi là ngồi trên giường.

Bảo: Vì đáng quý trọng, giường nghĩa là thu giữ, gìn giữ.

Mười thứ Niết-bàn: Như phẩm Ly thế gian của kinh dưới đây nói: Không lay động từ xưa đến nay: nghĩa thành Phật xưa nay. Cái gọi là mười Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói:

1. Phật vô trước, vì an trụ thế gian, thành chánh giác.
2. Vì Phật nguyện xuất sinh.
3. Vì tin Phật nghiệp báo.
4. Vì Phật trì tùy thuận.
5. Vì Phật Niết-bàn, vĩnh viễn độ.
6. Phật pháp giới vì không có chỗ nào không đến.
7. Phật tâm vì an trụ.
8. Phật tam muội vô lượng vì không có vướng mắc.
9. Vì Phật tánh quyết định.
10. Phật như ý, vì che khắp.

Vì sao mười số nói là vì muốn hiện nhiều Phật?

Đáp: Nguyên chân của các pháp của nghĩa này là tông huyền vi của cứu cánh, rất uyên thâm, khó hiểu, vả lại có thể tư duy sâu xa.

Hỏi: Hữu tình ràng buộc đủ chưa đoạn trừ phiền não, chưa thành phước, trí, vì do nghĩa gì nên xưa nay thành Phật chăng?

Đáp: Phiền não chưa đoạn, không gọi là thành Phật. Phiền não đoạn tận, phước, trí thành xong. Từ đây trở đi gọi là xưa nay thành Phật.

Hỏi: Đoạn hoặc ra sao?

Đáp: Như Địa Luận nói: Không phải ban đầu, không phải chính giữa, không phải sau, vì lấy sau trong trước, nên thế nào là đoạn?

Như hư không. Vì đoạn như thế nên chưa đoạn, đã trở lại không gọi là đoạn. Đã đoạn rồi, bỏ, gọi là xưa nay đoạn, cũng như giác biết mộng, ngộ giấc ngủ không đồng, nên kiến lập thành, không thành đoạn, không đoạn v.v. Kỳ thật, về mặt đạo lý, thật tướng các pháp không tăng, không giảm, bản lai không lay động. Thế nên kinh nói: Trong pháp phiền não không thấy một pháp nào giảm, trong pháp thanh tịnh không thấy một pháp nào tăng, là sự kiện ấy.

Có người nói: Văn kinh như thế v.v... y cứ tức lý nói, không phải tức sự nói. Nếu y cứ ở môn giáo phương tiện của ba thừa, hợp lại có nghĩa này. Nếu y chỉ môn giáo như thật của Nhất thừa, không cùng tận lý kia, sự, lý mù mịt, một vô phân biệt, thể dụng viên dung, thường ở trung đạo, từ ngoài sự, chỗ nào được lý?

Hỏi: Trong giáo ba thừa cũng có yên lặng mà thường dụng, dụng mà thường yên lặng. Nghĩa như thế v.v... vì sao trên nói rằng khắp tức môn lý, trong không tức sự, không tự tại chăng?

Đáp: Vì lý, sự tương tức nên có nghĩa như thế, không phải nói là sự sự tương tức. Vì sao? Vì trong giáo ba thừa muốn chữa trị bệnh phân biệt, vì hội sự nhập lý làm tông. Nếu y cứ Nhất thừa biệt giáo, thì lý lý tương tức, cũng được sự sự tương tức, cũng được sự lý tương tức, cũng được mỗi đều không tương tức. Cũng được là vì sao? Vì chính giữa tức không đồng, nên cũng có đầy đủ pháp môn lý Nhân-đà-la và sự Nhân-đà-la v.v...

Trong nhà pháp giới của Phổ Hiền mười Phật có phân biệt của pháp giới không có chướng ngại như thế v.v, vì rất tự tại. Ngoài ra pháp môn tương thành v.v... của chủ, bạn, thuận, nghịch.

Y cứ so sánh thu giữ nhau, tùy thuộc nghĩa diệt đi tăng lên. Nếu muốn quán pháp Đà la ni thật tướng của duyên khởi thì trước hết nên học pháp đến mười tiền, cái gọi là một tiền cho đến mười tiền. Sở dĩ nói mười là vì muốn biểu hiện vô lượng, nên trong đây có hai:

1. Mười trong một, một trong mười.
2. Một tức mười, mười tức một.

Trong môn đầu tiên có hai:

1. Hướng trên đến nay.
2. Hướng dưới trở đi.

Nói trong hướng trên đến nay có mười môn không đồng:

Một nghĩa là một. Vì sao? Vì duyên thành, tức là số gốc, cho đến mười, nghĩa là mười trong một. Vì sao? Vì nếu không có con số một, thì số mười tức sẽ không thành, vẫn mười không phải một, môn còn lại cũng như thế. Cứ so sánh có thể biết.

Nói trong hướng xuống dưới trở đi, cũng có mười môn:

Một nghĩa mười. Vì sao? Vì duyên thành, cho đến mười nghĩa là một trong mười. Vì sao? Vì nếu không có mười thì một tức sẽ không thành, vì vẫn một không phải mười, nên số còn lại cũng như thế.

Như vậy trở qua, trở lại, tra xét xứng đối, tức biết. Trong mỗi một đồng tiền đầy đủ mười môn, như trong hai đồng tiền gốc, ngọn đầy đủ mười môn, trong đồng tiền của tám môn còn lại, cứ so sánh có thể hiểu.

Hỏi: Đã nói một thì đâu được trong một gọi là mười chăng?

Đáp: Pháp Đà la ni đại duyên khởi nếu không có một, thì tất cả tức sẽ không thành, nên biết quyết định như thế. Tướng ấy ra sao? Đã nói một, nghĩa là không phải tự tánh một, vì do duyên thành nên một, cho đến nói mười, nghĩa là không phải tự tánh mười, vì duyên thành nên mười.

Tất cả pháp duyên sinh không có một pháp nào quyết định có tự tánh. Vì pháp không có tự tánh nên không tự tại. Không tự tại nghĩa là tức sinh không sinh, không sinh sinh. Không sinh sinh tức là nghĩa không trụ. Nghĩa không trụ tức là nghĩa trung đạo. Nghĩa trung đạo tức đi suốt qua sinh, không sinh, nên Long Thọ nói:

Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng nói là giả danh Lại
là nghĩa trung đạo. Tức
nghĩa kia vậy.

Trung đạo là nghĩa vô phân biệt, vì pháp vô phân biệt không bảo thủ tự tánh, nên tùy duyên vô tận, cũng là không trụ. Thế nên, phải biết mười trong một, một trong mười, dung thông nhau, không có trở ngại, vẫn không kén chọn phải. Đã trong một môn đầy đủ mười môn, nên biết sáng suốt trong một môn có vô tận nghĩa như một môn, môn khác cũng như thế.

Hỏi: Trong một môn thu giữ mười, là tận hay không tận?

Đáp: Là tận, không tận. Vì sao? Vì cần tận tức tận, cần không tận tức không tận. Nghĩa ấy ra sao? Vì dung một sự để biện minh một, nhiều, nên tức tận Vì dùng sự khác để biện minh một, nhiều, nên tức

không tận. Lại, nghĩa một, nhiều trong một sự không giúp nhau phải, tức là vì nhiều, một sự, nên tức là một bốn luận chứng, gìn giữ quá khứ, không phải hiện đức, so sánh có thể hiểu. Sự khác cũng so sánh đồng.

Hỏi: Cần là nghĩa gì?

Đáp: Cần, nghĩa là duyên thành. Vì sao? Vì pháp nhân duyên một không sai khác, lỗi lầm. Trong môn các sự riêng riêng, cứ so sánh như thế. Diệu lý duyên khởi, nên biết như thế. Môn thứ nhất đã giảng nói xong.

Môn thứ hai, trong đây có hai môn:

1. Hướng lên trên trở đi.

2. Hướng xuống dưới trở lại.

Mười môn trongmôn ban đầu không đồng:

Một nghĩa là một. Vì sao? Vì duyên thành cho đến mười nghĩa là một tức mười. Vì sao? Vì nếu không có số một, thì số một sẽ không thành, nên vì duyên thành.

Trong môn thứ hai cũng có mười môn:

Một nghĩa là mười. Vì sao? Vì duyên thành, cho đến mười nghĩa là mười tức một, vì nếu không có mười, thì một tức sẽ không thành. Số còn lại so sánh, vì do nghĩa này, nên phải biết, trong mỗi một đồng tiền đầy đủ mười môn.

Hỏi: Nhiều môn như trên, trong một thời gian đều cùng viên chăng? Trước, sau không đồng chăng?

Đáp: Tức viên, tức trước, sau không đồng. Vì sao? Vì cần viên tức viên, cần trước, sau tức trước, sau. Vì sao? Vì trong nhà pháp tánh, dụng đức tự tại, không có chướng ngại, vì do duyên thành, nên đều đượcnhư thế.

Hỏi: Như trên đã nói nghĩa đến, đi, tướng ấy ra sao?

Đáp: Vị mình không lay động mà luôn đến, đi. Vì sao? Vì đến, đi là nghĩa tùy duyên, tức là nghĩa nhân duyên.

Không lay động, hướng đến nghĩa gốc, tức là nghĩa duyên khởi.

Hỏi: Nhân duyên có khác với duyên khởi không?

Đáp: Cũng riêng khác, cũng đồng. Cái gọi là nghĩa: Nhân duyên, nghĩa là tùy thuận sự sai biệt của tục, tức là nhân duyên đối chiếu nhau, hiện không có nghĩa tự tánh, chính là thể tục đế. Duyên khởi: Thuận với tánh vô phân biệt, tức là tương tức, tương dung, nghĩa hiện bình đẳng, chánh thuận với thể của đệ nhất nghĩa. Vì tục đế không có tự tánh, nên thuận với nghĩa thứ nhất. Thế nên, kinh nói: Tùy thuận quán thế đế, tức nhập đệ nhất nghĩa đế, tức nghĩa kia.

Nghĩa riêng như thế, nghĩa đồng như trước Long Thọ đã giải thích.

Y cứ trong mỗi một đồng tiền, y cứ đồng thời đầy đủ đồng mười môn, dùng người quay trở về, so sánh có thể hiểu mười môn. Mười môn như dưới nói, như thứ nhất trong đồng tiền, cho đến thứ mười không đồng, mà tương tức, tương nhập không có trở ngại, thành nhau. Mặc dù có rất nhiều môn dị biệt: nhân quả, sự lý, nhân, pháp, giải, hạnh, giáo, nghĩa, chủ, bạn v.v, mà tùy thuận bày ra một môn thu giữ hết tất cả. Nghĩa khác so sánh có thể biết.

Phương pháp đếm tiền từ trước đến nay: Vả lại, dựa vào tiền của sự biến kế, hiện chỉ thị đồng tiền duyên khởi của nhân duyên y tha, cũng có thể y cứ chỉ thị tất cả các pháp duyên sinh, sau cùng không thể được. Chấp vật biến kế, mê pháp duyên khởi, hiện pháp tạm lưu lại hoàn toàn riêng. Kinh nói: Công đức một niệm của Bồ-tát phát tâm đầu tiên, không thể tận, như đồng tiền thứ nhất. Vì sao? Vì ước lược một môn biểu hiện vô tận, huống chi vô lượng, vô biên công đức của các địa: như đồng tiền thứ hai trở đi. Vì sao? Vì y cứ môn khác để nói. Thời điểm phát tâm đầu tiên ấy là thành bậc chánh giác, như một đồng tiền vì tức mười. Vì sao? Vì y cứ ở thể của hạnh để nói.

Hỏi: Bồ-tát phát tâm đầu tiên, tin Bồ-tát địa, tức là vị đệ tử, thành đấng Chánh giác, nghĩa là Phật địa, tức là vị đại sư, địa vị cao thấp không đồng, hoàn toàn riêng. Vì sao đồng chỗ đều là đầu, chân chăng?

Đáp: Pháp phương tiện của ba thừa, dụng của pháp, pháp Nhất thừa viên giáo, tạm lưu lại đều riêng, không được dụng tạp nhạp. Nghĩa ấy thế nào? Pháp ba thừa: Đầu, chân đều riêng, A da, con trẻ, năm tháng không đồng. Vì sao? Vì ước lược tướng để nói, vì sinh lòng tin, nên người của pháp Nhất thừa viên giáo, đầu, chân đều một. Con trẻ A da, năm tháng đều đồng. Vì sao? Vì duyên thành, vì y cứ vào đạo lý để nói.

Hỏi: Một là nghĩa gì?

Đáp: Một, nghĩa là nghĩa một vô phân biệt.

Lại hỏi: Đồng là gì?

Đáp: Đồng nghĩa là không trụ, vì không trụ vô phân biệt.

Thủy, chung đồng chỗ, thầy trò đều là đầu là nghĩa gì?

Đáp: Đồng chỗ đều là đầu, nghĩa là không biết nhau. Vì sao? Vì vô phân biệt.

Vô phân biệt là nghĩa gì?

Đáp: Vô phân biệt nghĩa là duyên sinh, tức là thủy, chung, đồng

là không có hai, không có riêng. Vì sao? Vì tất cả pháp duyên sinh đều không có tác giả, không có người hoàn thành, không có người biết. Một tướng dụng yên lặng, một vị cao thấp, cũng như hư không, các pháp pháp nhĩ, xưa nay như thế. Thế nên kinh nói: Quán tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có.

Văn như thế v.v... là nghĩa kia.

Hỏi: Sở dĩ cho nên, biết được Bồ-tát tín vị cho đến Phật đồng xứ đều hiển bày, như kinh ở dưới nói: Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, cũng như Địa Luận giải thích, Bồ-tát tín địa cho đến Phật thành tựu sáu tướng. Biết rõ có nghĩa như thế, sáu tướng như trên, lời này muốn vào yếu môn của nhà pháp tánh, mở kho đà-la-ni, khéo léo nhặt lấy. Trên đây nói chỉ hiện bày pháp đại duyên khởi của Đà-la-ni Nhất thừa, cũng có thể nói Nhất thừa vô ngại, thể của biện tài chẳng phải giới hạn của ba thừa.

Hỏi: Sơ giáo đã như thế, tất cả các pháp tức không, tức như hoàn toàn không phân biệt, vì sao ở trên nói phân biệt đầu và chân?

Đáp: Đều vì nghĩa này chưa viên mãn, nên giải thích đây.

Hỏi: Vì sao biết được ngoài ba thừa còn có giới hạn của viên giáo Nhất thừa, như ở dưới kinh nói: Các loài chúng sinh trong tất cả thế giới rất ít người mong cầu đạo Thanh văn, người mong cầu đạo duyên giác lại càng ít hơn, người cầu Đại thừa càng ít có hơn nữa. Người cầu Đại thừa cũng còn là dễ, người tin được pháp này rất khó, nếu chúng sinh thấp kém, tâm nhàm chán thì chỉ bày đạo Thanh văn giúp thoát khỏi các khổ. Nếu lại có chúng sinh các căn có chút sáng suốt, được lợi lạc bởi pháp nhân duyên thì nói cho nghe pháp Bích-chi-phật. Nếu người căn tánh sáng suốt bén nhạy, có tâm đại từ bi, làm lợi ích chúng sinh thì nói cho nghe đạo Bồ-tát, nếu có tâm vô thượng, quyết định ưa thích việc lớn thì chỉ bày cho họ thân Phật, nói Phật pháp vô tận. Lời thật như hạt ngọc trong lòng bàn tay, không nên kinh lạ.

Hỏi: Nghĩa riêng giới hạn của Nhất thừa, ba thừa làm sao biết được?

Đáp: Hãy y theo mười môn sẽ biết được:

1. Môn đồng cụ túc tương ưng: Trong đó có mười môn, đó là: Nhân, pháp, lý, sự, giáo, nghĩa, giải, hạnh, nhân quả. Mười môn này tương ưng không có trước sau.

2. Môn Nhân-đà-la võng cảnh giới: Trong đây có đủ mười môn trước, chỉ có nghĩa tùy theo dụ mà khác, ngoài ra có thể y cứ theo đó.

3. Môn bí mật ẩn hiện câu thành: Trong đây có mười môn trước,

nhưng nghĩa tùy theo duyen mà khác.

4. Môn vi tế tương dung an lập: Trong đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tùy theo tướng mà khác nhau.

5. Môn thập thế cách pháp dị thành: Trong đây cũng có mười môn trước nhưng nghĩa tùy theo đời mà khác.

6. Môn Chư tàng thuận tạp cụ đức: Trong đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tùy theo môn mà khác nhau.

7. Môn nhất đa tương dung bất đồng: Trong đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tùy theo ý mà khác nhau.

8. Môn chư pháp tương tức tự tại: Trong đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tuỳ theo dụng mà khác nhau, cũng có thì y theo tánh.

9. Môn duy tâm hồi chuyển thiện thành: Ở đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tùy theo tâm mà khác.

10. Môn thác sự hiện pháp sinh giải: Ở đây cũng có mười môn trước, nhưng nghĩa tùy theo trí mà khác nhau. Ngoài ra có thể y cứ theo đó.

Mười môn huyền trên đều khác nhau, nếu giới hạn của giáo nghĩa tương ưng theo đây thì thuộc về viên giáo Nhất thừa và đốn giáo. Nếu giới hạn của các giáo nghĩa tương ưng theo đây mà không đầy đủ thì thuộc về tiệm giáo của ba thừa, nên biết như thế. Mười môn này đầy đủ viên mãn như kinh Hoa Nghiêm nói, còn các nghĩa rộng khác như trong kinh luận sớ sao không muc vấn đáp... có phân biệt.

Nhất thừa pháp giới đồ hợp thi nhất ấn: Theo kinh Hoa Nghiêm và luận thập địa tiêu biểu cho tông của viên giáo, ghi vào ngày mười lăm tháng bảy niên hiệu tổng thương năm đầu.

Hỏi: Vì sao không ghi tên người biên tập?

Đáp: Vì nói lên ý nghĩa các pháp do duyên sinh không có chủ.

Lại hỏi: Vì sao có ghi tháng năm?

Đáp: Vì nói lên ý nghĩa tất cả pháp nương theo duyên mà sinh.

Lại hỏi: Duyên từ đâu đến?

Đáp: Từ tâm điên đảo đến. Tâm điên đảo từ đâu đến? Từ vô thỉ vô minh đến. Vô thỉ vô minh từ đâu đến? Từ như như đến, như như từ đâu đến? Như như tự pháp tánh, tự pháp tánh lấy gì làm tướng? Lấy vô phân biệt làm tướng. Cho nên tất cả pháp bình thường ở trung đạo, đều là vô phân biệt.

Vì nghĩa này nên bài thở ở văn đầu chép: Pháp tánh viên dung không có hai tướng, cho đến xưa nay bất động gọi là Phật, ý chính là ở

đây, cho nên y theo lời thơ, ngay nơi hư dối mà hiện thật. Cho nên thệ nguyện thấy nghe tu tập phổ pháp Nhất thừa tên gọi và ý nghĩa, hồi hướng gốc lành này bố thí cho chúng sinh, huân khắp rộng tu, cùng tận thế giới chúng sinh, nhất thời thành Phật. cái gọi là mười Phật rất sâu xa khó hiểu.

Đại ký chép: Cái gọi là mười Phật, nếu dùng ấn chữ Phật để ấn thì gọi là chứng phần. Mười Phật nếu dùng ấn chữ phổ để ấn thì giáo ấy chia ra làm mười Phật.

Pháp ký chép: Hoàn toàn không đắm trước Phật, Phật an trụ thế gian thành Chánh giác. Vô trước tức trước, trước mà vô trước.

An trụ thế gian: Trong ba thừa mà xuất thế thành Phật, chẳng phải an trụ trong Nhất thừa, lấy ba thế gian làm thân tâm mình, nên nói là an trụ thế gian, dùng chứng tâm khán thì chỉ là tâm, không có cảnh sở đối, đó là trước, chẳng phải như ý thức phân biệt chấp trước cảnh khác.

Vô trước tức trước: Tuy tâm không thấy cảnh nhưng tất cả cảnh đều là tâm của ngã.

Trước mà vô trước: Tất cả đều là mặt trời tâm của ngã, tất cả thú hướng đều cao xa không thể lường được.

Thành chánh giác: Giống như nhãn thức lấy căn trần của mắt làm thể mà không bị máu mủ, da thịt bất định làm nhiễm, thành nhãn thức thanh tịnh. Nếu xỏ lỗ tai không chảy máu thì tịnh nhãn không thành, trí chánh giác cũng giống như thế lấy ba thế gian làm thân tâm mình mà không bị nghiệp phiền não của chúng sinh làm ô nhiệm, được thành Chánh giác. Nhưng trong đại duyên khởi, hễ bỏ được một pháp thì toàn thể tất cả các pháp đều không lập, cho nên đối với nghiệp hoặc phiền não của chúng sinh. Nếu nói một là chúng sinh không thành Chánh giác, hai là nguyện Phật ra đời thì trong hải ấn sinh ra tất cả các pháp của ba thế gian. Lại mỗi pháp trong ba thế gian sinh ra các pháp trong pháp giới ở từng niệm, luôn đổi mới vô tận, vì vô tận nên y cứ vào nghĩa này mà nói sinh ra. Các pháp như thế hoặc tu không tu, trong thân tâm của tất cả chúng sinh thường như thế, thường như thế, cho nên Như Lai hiện thấy pháp này chỉ do nguyện, có công năng sinh ra pháp như thế. Chúng sinh không thấy chỉ do không thể nguyện, cho nên y cứ nghĩa sinh ra này mà gọi là nguyệt Phật; ba là tin nghiệp báo mà Phật nói, nhân sáu đường của thế gian, nhân Thanh văn, duyên giác, Bồ-tát xuất thế làm nghiệp, rừng rậm hạnh nghiệp của địa thứ chín trong văn dễ thấy. Báo là quả của sáu đường, quả của Thanh văn, duyên giác, chư Phật... là báo. Đây là pháp hải ẩn tròn sáng, nên gọi là nghiệp báo Phật.

sở dĩ tất cả chúng sinh không biết Phật Phật chân thật của mình ở tại thân tâm là do không tin, chỉ nhờ tín tâm mà được thành nhiệp báo Phật, nên nói là tin; bốn là trì Phật tùy nguyện: Nếu nêu một hạt bụi thì khởi không sót, cho nên không lường sự cùng tận. vì sao? Vì tất cả các pháp đều thuận theo nhất tọa, nếu không thuận theo thì nhất tọa này đâu được cùng tận tất cả pháp. Trong các pháp khác như thế suy nghĩ theo đó, một tức tất cả tất cả tức một, chủ bạn đầy đủ, đạo lý vô tận tự tại đều là nghĩa này. Y cứ như thế, hễ nêu nghĩa nhiếp trì thì gọi là trì Phật, năm là Niết-bàn phât độ hẳn: Trong ba thừa phải xả bỏ sinh tử mới chứng Niết-bàn, nhờ đó mà không còn sinh tử, cho nên chẳng phải độ hẳn, vì cho là có ahi nên nêu chúng sinh không haih, nêu tức là thật Phật, nên đối với chúng sinh Niết-bàn thấy có hai đâu thể không đắm chìm trong biển sinh tử. Trong Nhất thừa lại y cứ vào báo riêng của thân ta, đồng tử một mắt thấy suốt rốt ráo hải ấn, ở đây trở lên khoông còn chỗ chuyển, nên nói độ hẳn. Tất cả pháp khác đều như thế, y cứ vào nghĩa ấy gọi là Phật danh, sáu pháp giới Phật không chỗ nào không đến. Nếu nắm phía đông của rường trên mà cầu giới hạn phía tây cùng tận, hư không phía tây không có giới hạn cùng tận, hư không phía đông tìm cuối phía tây này, không chỗ nào không đến. Giới hạn cùng tận, hư không phía đông tìm cuối phía tây này, không chỗ nào không đến. Giới hạn phía tây không thật có, vì sao? Vì cuối phía tây của pháp giới, phương tây tức là phương đông, các phương khác đều như thế. Một rường như thế các pháp đều cũng như thế. mỗi pháp đều nêu, không chỗ nào chẳng đến, là pháp giới Phật, bảy là tâm Phật an trụ. Nếu khi tâm nói thì tất cả các pháp đều là tâm, nghĩa này sai lầm, bởi trùm khắp trong thức cho nên quên mất, chẳng phải là chỗ thành của chân tâm, nên nói tâm Phật là tâm tánh nhất pháp giới khởi, tâm rừng rậm... trong ba thừa, tâm là duyên lự, là tâm chất ngại trong Nhất thừa, các thứ nghĩa ấy, sắc nghĩa là vô chất, tâm nghĩa là các thứ, cho nên khi dùng tâm thấy thì không vật nào chẳng là tâm. Sắc nghĩa là vô chất ngại, cho nên khi sắc nói thì không vật nào chẳng phải là sức. Nếu theo nghĩa hải thấp quá thì trong quá kia chất mà gọi là tâm, tất cả pháp tự vị bất động, chính là tâm này nên nói là an trụ, y cứ nghĩa ấy mà gọi là tâm Phật. tám là Tam-muội Phật vô lượng vô trước, trong phẩm hiền thủ, mười thứ đại Tam-muội và các hội nhóm hợp các đại Tam-muội đều là Tam-muội Phật. bất cứ một Tam-muội nào cũng đều đầy đủ tất cả các pháp, cho nên nói vô lượng. Trong vô lượng, tùy mỗi pháp hễ nêu thì không nghiêng lệch, nên nói là vô trước. Y theo Tam-muội thấy pháp như thế, nên gọi là Tam-muội

Phật. chín là tánh Phật quyết định: Tánh là vô trụ pháp tánh, tất cả các pháp đều là lý vô trụ quyết định, có Phật hay vô Phật thì tánh tướng vẫn thường trụ, y cứ vào nghĩa ấy mà gọi là Phật danh. Mười là như ý Phật che phủ cùng khắp. Trong cung điện của ma rồng sa kiệt la có của báu như ý tên là xuất sinh vô tận, báu châu vương này có khả năng sinh ra tất cả châu báu dưới biển, trên đất liền và nước biển lớn. Trong biển lớn, đối với tất cả các loài chúng sinh thì nước này là nhà, nước này là thức ăn, đều được sinh ra, lớn lên. Vì trong biển lớn có mặt đất, hoặc sông hoặc suối và các ao giếng, thuần thấm sinh trưởng tất cả cỏ cây và các quả trái, dưỡng dục chúng sinh. Nếu không có báu vương vô tận này thì nước biển khô cạn, ngũ cốc điêu tàn, chúng sinh dưới nước trên bờ nhờ đâu mà được thâu lớn lợi ích. Như ý vương này chỉ nhờ chư Phật mà nuôi lớn cái do bổn nguyện của chúng sinh sinh ra. Nếu không có năng lực bổn nguyện của chư Phật thì không có báu vương này, cho nên biết sở dĩ tất cả chúng sinh sở dĩ lợi ích được lớn thêm đều là nhờ bóng mát nuôi dưỡng của như ý Phật. Các ý nghĩa ấy chỉ là đạo lý sẵn có của chân Phật trong thân tâm của chúng ta, dùng mười tên gọi để chỉ bày, nghĩa này là cội nguồn chân thật của các pháp.

Hỏi: Chỗ này có mười tên gọi phải không?

Đáp: Không, vì duyên khởi nên có chia làm mười tên gọi, trong chứng phần không có mười tên gọi.

Hỏi: Trong chứng phần có danh hiệu chân thật?

Đáp: Trong chứng phần có danh hiệu Phật này ở ngoài chứng phần hay sao?

Đáp: Trong chứng phần có danh hiệu chân thật.

Hỏi: Chương thập chủng tịnh độ chép: Muốn biết phần lượng thì y cứ vào mười danh hiệu Phật này sẽ biết, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Không đắm trước cũng là nguyện, cũng là bình đẳng nhưng nói là danh hiệu, Phật thì không thể nói, các thứ danh hiệu như thế chỉ giải thích tướng, còn biển cõi thì không thể nói, y theo đó có thể biết.

Đại ký chép: Tội nguồn chân thật cảu các pháp là duyên khởi phân ra huyền tông rốt ráo, về chứng phần thì nghĩa này có hai phần chứng giáo, có chung mười Phật, nếu chỉ trong chứng phần thì có mười Phật, chứng phần là nguồn gốc của phân giáo, nên nói là nguồn gốc chân thật. Lại ý của tứ nghiệp là nguồn gốc chân thật, cho nên trí huyền tông là cảnh, cảnh thấy được của chân trí mới được gọi là huyền, cho nên nói rất sâu xa khó hiểu.

Cổ ký chép: Khi Hòa thượng tướng trụ tại phường đại lô ở núi đại

bá, vì thân định trí thông... mà nói người tu hành muốn thấy mười Phật thì trước nên thực hành nhãn mục?

Hòa thượng đáp: Lấy kinh Hoa Nghiêm làm nhãn mục của mình. Cái gọi là câu văn đều là mười Phật. Ngoài ra cầu quán Phật thì đời đời kiếp kiếp không bao giờ thấy.

Hòa thượng nói: Cái gọi là Phật vô trước an trụ thế gian thành Chánh giác: Thân năm thước ngày nay của ta gọi là thế gian, thân này đầy khắp hư không pháp giới, chẳng chỗ nào không đến, nên nói là chánh giác, cho nên an trụ thế gian là lìa mê đắm Niết-bàn, thành Chánh giác là lìa mê đắm sinh tử. Nếu nói theo sự thật thì ba thứ thế gian là tròn sáng tự tại, cho nên nói Phật vô trước.

Nguyện Phật ra đời: Một trăm bốn mươi nguyện, mười nguyện hồi hướng là nguyện của sơ địa, và nguyện tánh khởi... đều là nguyện Phật. Phật này lấy vô trụ làm thân, không có một vật nào chẳng hải là thân Phật, cái gọi là hễ nêu bất cứ một pháp nào đều thuộc về nguyện này. Tất cả xứng khắp pháp giới gọi là nguyện Phật.

Tin Phật nghiệp báo: Là pháp hai mươi hai vị, xưa nay bất động, tròn sáng chiếu soi. Nếu những người tu hành tin được như thế thì gọi là tín. Nếu nói theo đạo lý chân thật thì trên từ diệu giác, dưới đến địa ngục đều là Phật sự. Cho nên, nếu người kính tin được việc này thì sẽ được Phật nghiệp báo.

Trì Phật tùy thuận: Sum la các pháp trong pháp giới tuy nói là vô tận nhưng nếu dùgn hải ấn để ấn định thì chỉ có một pháp định hải ấn, kia trì ta, ta trì kia, cho nên nói tùy thuận, vì vậy lấy thế giới trì Phật, lấy Phật trì thế giới, đó gọi là trì thật. Phật Niết-bàn diệt độ hẳn: Chứng kiến sinh tử, Niết-bàn xưa nay bình đẳng nên nói là diệt độ hẳn. Cái gọi là sinh tử chẳng ồn ào náo động, Niết-bàn chẳng phải vắng lặng chính là nghĩa này.

Pháp giới Phật chẳng chỗ nào không đến: Pháp giới một hat bụi, pháp giới một cây thông, pháp giới một cây lật, cho đến pháp giới hư không mười phương ba đời đều là thân Phật. Cái gọi mé trước của chân như bất diệt, mé sau bất sinh, hiện tại bất động. Như lai cũng thế, quá khứ chẳng diệt, vị lai vô sinh, hiện tại bất động, không hình không tướng, như thế giới hư không chẳng thể đo lường trăm ngàn muôn kiếp đã nói, đang nói sẽ nói cuối cùng không thể cùng tận không có bờ mé gọi là pháp giới Phật, tâm Phật an trụ dứt tâm vọng là Phật khởi tâm vọng chẳng phải Phật như người dùng bình sạch đựng nước, không biết nước sạch hay dơ nước sạch thì bóng rõ nước dơ thì bóng mờ. Tâm

pháp cũng thế dứt tâm vọng thì pháp giới tròn sáng, khởi tâm vọng thì páhp giới sai biệt cho nên tâm an trụ thì đó là pháp giới các pháp hiện trong thân năm thước của ta. Tam-muội Phật vô lượng vô trước: Pháp Tam-muội hải ấn đều là vô trụ trước gọi là Tam-muội Phật vô lượng vô trước.

Tánh Phật quyết định: Pháp tánh có hai, là đại tánh và biểu tánh. Vì sao? Nếu một pháp giới khởi rồi thì mé ba đời không trong không ngoài, gọi là đại tánh. Địa vị của một pháp khắp trong tất cả pháp mới được thành, đó gọi là tiểu tánh. Cái gọi một trụ cùng tận mé pháp giới, nhưng trụ này gọi là đại tánh. Địa vị cảu một pháp khắp trong tất cả pháp mới được thành, đó gọi là tiểu tánh. Cái gọi là một trụ cùng tận mé pháp giới, nhưng trụ này gọi là đại tánh, trong một trụ này, các vị như đòn, kèo, ngói... hiện gọi là tiểu tánh. Như ý Phật che phủ khắp, như đại Long vương có đại bảo vương, nếu không có báu này thì tất cả chúng sinh không có y phục thức ăn. Năm cốc chín cốc, ngàn giống muôn giống đều thành thục: Chỉ có đức của nàh vua này, như ý Phật suy nghĩ cũng như thế.

Trinh nguyên kinh cát tướng vân tri thức sớ chép: Hỏi pháp môn vô lượng vì sao đầu tiên lại dạy niệm Phật?

Đáp: Lược có mười nghĩa:

1. Là Tam-muội niệm Phật đại chúng thực hành trước tiên.
2. Là nương theo Phật mới được thành thắng hạnh.
3. Là công đức cao dễ thành tựu.
4. Là quán chung câu cạn có công năng nhiếp khắp.
5. Là tiêu diệt chướng nặng, làm duyên tốt đẹp.
6. Là gồm cả nhân pháp, dễ được che chở.
7. Là Bồ-tát thập địa đều niệm Phật.
8. Là kinh tam bảo cát tường đầu tiên nói về pháp niệm Phật, vì pháp niệm Phật này đầu tiên là hải vân nói pháp, vì khéo trụ nương tăng làm thứ lớp.
9. Là tức tâm tức Phật, dễ thành một cảnh.
10. Là biểu thị cho sơ trụ duyên theo Phật mà phát tâm ưa thích cúng dường...

Lược là ba môn:

1. Nói về sở niệm khác.
2. Hội thích văn kinh.
3. Dùng năng niệm để thu nhiếp.

Nay đầu tiên nói mười thân ba thân là quán khác nhau, lược thành

mười thứ...

Nói mười thứ:

1. Nếu thực hành quán này thì Phật dùng pháp giới làm thân thanh tịnh như hư không, chẳng có niệm và người niệm tức là niệm chân như, đó là niệm pháp thân.

2. Biển thế giới Hoa tạng pháp giới không sai khác, nương theo chân mà trụ, không nương cõi nước, đó là niệm tánh độ.

3. Mười liên hoa tạng trần số tướng, các tướng này đều là niệm tướng của báo hân.

4. Có vô lượng đức, mỗi đức khó nghĩ bàn là niệm nội đức của báo thân, cho nên kinh trên chép: Trong tất cả oai nghi thường nhớ nghĩ công đức của Phật, ngày đêm không có lúc nào ngừng dứt, nghiệp như thế nên thực hành.

5. Quán cõi hoa tạng, vô lượng báu trang nghiêm, lượng khắp pháp giới, đó là niệm báo độ.

6. Hoặc quán tướng Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, hoặc chung hoặc riêng, hoặc nghịch hoặc thuận, thân trượng sáu cao ngàn thước, các tướng này đều là niệm tướng của hóa thân.

7. Mười Lực vô úy, mười tám bất cộng các pháp này đều là niệm tướng của hóa thân.

8. Tịnh độ ở các phương khác, nước chim cây rừng, các pháp này đều là niệm y báo của hóa thân.

9. Hai điều trước là tánh, sáu điều sau là tướng, ngoài tướng không có tánh, ngoài tánh không có tướng, giao xen thấu suốt Phật chân, cõi chân, đó là niệm tánh tướng vô ngại thứ chín.

10. Dùng tánh dung tướng, tướng theo tánh mà dung khiến cho chín môn trước hợp thành một mỗi, cho nên đức đức vô tận, tướng tướng vô cùng mỗi hạt bụi đầy khắp cõi nước, giống như mành lưới trời đế thích, đó là niệm thứ mười, lớp lớp dung nhiếp được hai môn sau trước đều là kinh chân thật tuy rằng nói nghĩa riêng nhưng đều bao trùm, chung nhiếp...

Thứ ba là năng niệm thâu nhiếp, lược có năm:

1. Môn duyên cảnh chánh quán niệm Phật, hoặc chân hoặc ứng, hoặc y hoặc chánh, đều là cảnh nên xưng danh thuộc về miệng, chẳng phải chân niệm nên lượt qua không nói.

2. Môn nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật, tâm này là Phật, tâm này thành Phật biển chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng mà sinh, huống chi ba pháp tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau.

3. Môn tâm cảnh câu dẫn niệm Phật: Tâm tức là Phật, tâm tức chẳng phải tâm, Phật tức là tâm pậht cũng chẳng phải Phật. chẳngphải tâm chẳng phải Phật, xa lìa tất cả không có sờ niệm là chân niệm.

4. Môn tâm cảnh vô ngại niệm Phật, song chiếu sự lý, còn mất vô ngại... sự vắng lặng của chân môn, gì là Phật gì là tâm. Xét sự sáng tỏ của sự lý thì biết được tâm thường, Phật thường. Mất cả hai thì chánh nhập hai dòng tịch chiếu.

5. Môn trùng vô tận niệm Phật: Lý đã vô tận, dùng lý dung sự, sự cũng vô tận, cho nên dễ một môn nhiếp thì tất cả môn dung.

Năm môn này đều nhất trí. Tức là tâm năng niệm trong đây hợp với mười cảnh Phật ở trước, chẳng phải hợp chẳng phải tan, thiệp nhập lớp lớp cảnh khó nghĩ bàn. Pháp môn niệm Phật các giáo đều khen ngợi, lý rất sâu xa, người đời phần nhiều đều thực hành, cho nên lại lược nêu thuyết không nhàm chán phức tạp...

Phổ hiền tri pháp sớ chép:

Thứ nhất là ba đoạn văn lễ kính chư Phật, đầu tiên là nhắc lại tên gọi do tâm cung kính, vận dụng thân miệng mà lễ khắp, dứt trừ chướng ngã mạn, khởi tâm kính tin. Tâm tạng thiện lặc na nói bảy cách lễ, ở đây thêm htành mười đó là:

1. Lễ ngã ngã mạn: Như cái chày lên xuống, không có tâm cung kính.

2. Lễ xướng họa: Lớn tiếng ồn ào, lời câu lẫn lộn.

Hai cách lễ nầy là phi pháp.

3. Lễ cung kính: Năm luân sát đất, tha thiết nâng chân Phật.

4. Lệ vô tướng: Đi sâu vào pháp tánh, lìa tướng năng sở.

5. Lễ khởi dụng: Tuy không có năng sở nhưng vận dụng khắp thân tâm, như bóng trùm khắp, lễ không thể lễ.

6. Lệ nội quán: Chỉ lễ pháp thân chân Phật trong thân, không tìm cầu bên ngoài.

7. Lễ thật tướng: Hoặc trong hoặc ngoài đồng một thật tướng.

8. Lễ đại Bi: Bất cứ Một lễ nào cũng đều thay thế khắp chúng sinh.

9. Lễ tổng nhiếp: Nhiếp sáu môn trước thành một, quán mười vô tận, lễ nhập vào cảnh đế võng, hoặc Phật hoặc người lễ, lớp lớp vô tận.

Thùy huyệt vấn đáp chép:

Hỏi: Từ Phật vị lai lại hóa từ hiện tại, dùng văn tự nao để biết?

Đáp: Bồ-tát địa thức tám trong kinh anh lạc chép: Tự thấy thân

mình được chư Phật xoa đảnh nói pháp, cho nên bậc thánh nói rõ ràng dễ hiểu.

Lại các kinh chép: Kính bái chư Phật ba đời, các tội nghiệp tiêu diệt, chư Phật vị lai thì thế nào?

Hỏi: Ở đây là nghĩa lễ bái các ngài đã thành Phật thế nào là tự chưa thành Phật?

Đáp: Ý nghĩa lạy Phật khác đều xa xôi. Vì sao? Vì chư Phật vì chúng sinh mà nói đức của Phật, ý muốn chúng sinh cũng được quả kia, cho nên dạy tu hành, vì thế chúng sinh mong quả đức sẽ được ở tương lai, vì muôn được không tiếc thân mạng kia mà tu hành, không vì được quả Phật kia mà tu hành, cho nên dạy ta phát tâm tu hành. Phật chỉ cho ta quả đã thành Phật, chẳng phải Phật khúc, nghĩa này không nghi ngờ gì. Lại người khác đã thành Phật tức là tư sẽ được quả thật. Vì sao? Vì khi người khác thành Phật thì tức là được quả bình đẳng của chư Phật ba đời. Lại ta sẽ thành quả thật tức là người khác nay thành Phật. Vì sao? Vì khi ta được quả Phật tức là được pháp bình đẳng của Phật ba đời, cho nên xoay vần bình đẳng lẫn nhau như thế, quả đức bình đẳng không sai khác. Lại Phật của ta này, đối với tất cả hữu tình vô tình trong pháp giới hoàn toàn ở hiện tại, không có một vậy nào chẳng phải là Phật thể của ta. Nếu lễ bái Phật tự thể của ta thì không vật nào chẳng phải là sở bái. Điều này rất quan trọng cần phải suy nghĩ.

Luận tự thể Phật quán chép:

Hỏi: Thế nào là tự tánh giới? Thế nào là Phật tự thể?

Đáp: Vô trụ là tự tánh giới, thật tướng là Phật của tự thể.

Hỏi: Phật của tự thể này phải quán như thế nào?

Đáp: Bằng kệ rằng: Các duyên căn bản ngã, tất cả pháp nguồn tâm, lời nói đại yếu tông, Thiện tri thức chân thật.

Hỏi: Nghĩa này thtế nào?

Đáp: Là nguồn tâm của tất cả pháp, là Phật của tự thể, là tông đại yếu, là viên nhân của tự thể, là Thiện tri thức chân thật, là quả viên mãn của tự thể đủ ba nghĩa này cho nên là ngã. Đây tức là Phật của tự thể.

Hỏi: Quả Phật này có tu hay không?

Đáp: Không thể nói là tu hay không tu, không phân biệt tình và vô tình, ba thế gian bất động.

Hỏi: Phật này có hóa độ chúng sinh hay không?

Đáp: Trong hư không các pháp đều là hư không, cho nên hư không hóa hư không, đó gọi là Phật hóa của tự thể. Có bản nói trong Phật của

tự thể đều có Phật của tự thể, đó gọi là Phật hóa của tự thể.

Hỏi: Chẳng hay thế nào là ngôn ngữ?

Đáp: Như ông không biết ngôn ngữ, lời này rất rộng lớn.

Hỏi: Lời này thế nào?

Đáp: Tâm ta là động, hư không bất động lìa động và bất động là mé duyên khởi.

Hỏi: Theo mé duyên khởi thù pháp ấy thường như thế, người mới ta làm sao sống với tâm ấy?

Đáp: Y theo pháp mà nói về lìa tu, không tu, thử nói về sơ khởi thì tâm ta và thân ta làm cho nói năng với nhau, nghĩa là đem tâm tìm thân, đem thân tìm tâm tâm ở khắp thân, thân ở khắp tâm nhưng gọi là lời nói.

Hỏi: Vì khắp nhau nên không có chỗ nói, làm sao gọi là lời nói?

Đáp: Khi tâm nói thì ngoài lời nói không có lời nói, khi thân nói thì ngoài lời nói không có lời nói, cho nên không có lời nói mà nói không có nghe mà nghe.

Hỏi: Ở đây chỉ có tâm ta thân ta, thế nào là cội nguồn của tất cả pháp?

Đáp: Tìm bờ mé của tâm ta, tận mé pháp giới bốn đại của thân ta cũng giống như thế.

Hỏi: Nếu như thế thì chỉ có thân tâm ta, thế nào là Thiện tri thức chân thật?

Đáp: Các pháp trong pháp giới đều là thân tâm ta, đều được gọi là Thiện tri thức.

Hỏi: Nếu thế thì không có mê ngộ, sao gọi riêng là Phật?

Đáp: Vì có hai nên chúng sinh không hai, vì vậy tức là phât của tự thể. Quán như thế là chánh quán. đại kinh giới duyên khởi căn bản của các pháp là Phật bảo của ta, nguồn cội của tất cả pháp là tăng bảo của tâm, đại yếu của lời nói là pháp bảo của tông, Thiện tri thức chân thật, đây là nghĩa duyên khởi của đại pháp giới, người có được tâm tuy vào trong sáu đường bốn loài nhưng chắc chắn không nghi sợ. Ở đây gọi là tam bảo của tự thể, tức Phật bảo của thân nghiệp, pháp bảo của khẩu nghiệp tăng bảo của ý nghiệp. Phật là do duyên hợp thành pháp là tất cả pháp xuất hiện mạnh mẽ, tăng là vô chướng ngại đối với tất cả pháp. Phật này là bậc sĩ nhân ba nghiệp đắp ca sa: Thân nghiệp năm điều, khẩu nghiệp bảy điều ý nghiệp chín điều ba ca sa này mặc ở tất cả mọi nơi. Bậc sĩ nhân Phật này không có tận cùng, thật pháp giới pháp kiến, lại kiến kiến xứ xứ ba thứ thế gian có được, cho nên ba thứ thế gian đều

là Phật.

Từ hữu tình còn đầy đủ ràng buộc cho đến tùy nghĩa tiêu tức, đại ký chép: Hữu tình còn đầy đủ ràng buộc chưa dứt phiền não, chưa thành phước trí. Vì lý do đó nên có phải xưa nay thành Phật chăng? Có ý hỏi này, nếu y cứ theo mười Phật thì các pháp trong pháp giới đều là thật, nhưng ngày hôm nay chúng ta là phàm phu mù tối làm sao có khả năng tức là mười Phật? Câu hỏi như thế.

Đáp: Ý là pháp vượt tình phàm, vượt tình phàm là đúng. Nếu trái với tình kiến thì pháp giới tròn sáng, tất cả cả chúng sinh dứt hết phiền não, phước trí thành tựu, há chẳng phải là Phật hay sao?

Đáp: Như thế. Ý hỏi đáo như thế mong nghĩa ba thừa dứt chướng thành Phật ấy muốn nói lên xưa nay thành Phật của Nhất thừa.

Hỏi: Rằng xưa nay có dứt phiền não chăng, là biết xưa nay phiền não bất động chăng?

Đáp: Biết xưa nay dứt, vì giác nên không thấy chỗ thấy của người trong mộng là con quỷ cao năm thước.

Hỏi: Thế thì trái với trong kinh đã dẫn rằng trong pháp phiền não không thấy một pháp nào bớt?

Đáp: Xưa nay là không vì sao nói thấy bớt. Thân ký chép: Chẳng phải sơ, chẳng phải trung hậu, chia làm ba sát na tìm chướng bị dứt. Như sát na ba nđầu nêu trí để tìm chướng, đều là trí thể không thể cắt dứt được, giữa và cuối cũng như thế. vì trước, giữa cuối đều chấp nên không dứt mà dứt, như hư không. Việc dứt ấy nếu nói theo ký vị thì đó là hư không, vì không có vật nghĩa nên không có năng đoạn sỡ đoạn, bởi giống như hư không bị cắt đứt. Theo Nhất thừa thì hư không chẳng có nghĩa suy lường, thể của trí và chướng không suy lường lẫn nhau. Vì không có nghĩa suy lường là như hư không, việc dứt như thế.

Pháp ký chép: Giống như thức và ngủ khác nhau, như có hai người nằm chung trên một chiếc giường một người không ngũ, cho nên ba thời cầu mộng, thời đầu không được giữa và sau cũng thế. Còn một người thì ngủ suốt đêm, cho nên ba thời thường mông như thế y cứ vào Nhất thừa mà dứt chướng thành Phật, cho nên toàn tha là tự mà hằng giác, ban đầu không ngủ toàn tự tha là mà hằng mộng, vì vậy thường không ngộ. Cho nên, ba thừa dứt chướng không đến chỗ dứt cái chưa dứt, Nhất thừa thì đến chỗ dứt cái chưa dứt. Phật của ba thừa không đến chỗ dứt, tự tương tục ngoài chướng của chúng sinh. Phât của Nhất thừa thì đến chỗ dứt, đó là chướng tự sở chứng của biển chúng sinh. Tất cả chúng sinh ngày nay phát tâm dứt chướng ta chứng chính là đức của môn bất

tận của chư Phật, thật ra đối với đạo lý thì thật tướng các pháp không thêm không bớt, chúng sinh và Phật đã chung một giường pháp tánh, tuy nói chúng sinh không có thiếu thừa tuy nói chư Phật không có thêm bớt nhưng lý lý tức nhau bình đẳng, ba câu trước là tức môn, một câu sau là trung môn.

Hỏi: Lý lý tức nhau, hai không có dứt bỏ hay không?

Đáp: Không dứt bỏ.

Hỏi: Nếu thế thì không tức nhau phải không?

Đáp: Vì tức nhau nên không dứt bỏ.

Đại ký chép: Nhà pháp giới của mười Phật phổ hiền tức là lên nhà pháp tánh và nhà pháp giới Đà-la-ni, chính là y cứ ngoại hóa mà chung cho nội chứng, ngoài ra thì nghịch thuận chủ bạn thành nhau... nghịch thì có các sự ngàn lấp của năm nguồn nhiệt, thuận thì có chánh hạnh mười độ... lấy đây làm đầu đều chấp tất cả pháp vô tận, cho nên nói y theo ví dụ. Nhiếp nhau tùy nghĩa tiêu tức, muốn quan duyên khởi cho đến dừng dtứ hoàn toàn khác nhau.

Đại ký chép: Nếu muốn quán duyên khởi cho đến mười tiền thì khai tông chép: Pháp đến mười tiền để trị chấp, chấp thuốc bậc nhất của bịnh thành môn tối thắng của đức vô ngại.

Giải thích rằng: Nếu thể đạt được pháp đếm tiền này thì đối với nhật dụng của các cảnh giới hễ thấy nghe điều gì đều không chấp không đắm, trong mỗi lỗ chân lông, mỗi hạt bụi thấy tất cả Phật, nghe tất cả pháp khởi tâm động niệm, giở chân lên, đặt chân xuống hễ có làm gì đều rốt ráo đầy đủ Phật sự cho nên nói thuốc bậc nhất trị bịnh thành môn tối thắng của đức.

Cổ ký chép: Tôn giả vân hoa nói: Có một lầu quán, bên trong trang nghiêm Nhất thừa, bèn ngoài trang nghiêm ba thừa. Trong đây có môn tên là giác môn, hướng về cội bồ đề, vì các chúng sinh bị vọng tưởng buộc ràng nêu chướng môn này, vì như thế nên không thấy Nhất thừa quý báu trang nghiêm, cho nên Bồ-tát thiên thân dùng sáu tướng để mở bày môn này, nhưng người Thiên Trúc chưa hiểu sáu tướng nên phỉa dùng pháp tổng trì trong chương tất đà, mà ngài soạn tập mà mở bày. Người ở đông bộ lại không hiểu pháp tổng trì của chương tất đàm, cho nên tôn giả vân hoa dùng pháp giáo tiền mà ngài soạn tập để mở bày.

Hỏi: Thương tất đàm này và dụ đếm tiền trong thánh giáo có hay không?

Đáp: Có, dụ tất đàm là dụ đếm pháp nói trong phẩm thập địa.

Bài tụng của Bồ-tát Tinh Tấn Lâm trong hội thứ tư chep: So sánh như pháp toán số tăng từ một cho đến số vô lượng. Pháp không có thể tánh, vì có trí tuệ nên khác nhau.

Hỏi: Trong tiền này, thế nào là chấp khắp? Thế nào là nhân duyên?

Đáp: Mười tiền như thế thứ nhất, thứ hai cho đến thứ mười đều có tự tánh, chấp một thì không có một, chấp hai thì không có hai đó là tiền chấp khắp. Vê tiền nhân duyên, một vị tiền này đầy đủ trong tức cho nên nếu không có chín thứ còn lại thì một tiền này cũng không được thành. Vì thế một tiền này tức là một của vô tận.

Hỏi: Dùng dụ mười tiền này đầu tiên là dắt dẫn người sơ cơ, phương tiện thế nào?

Đáp: Hòa thượng bào người sơ cơ rằng: Trước ông nêu ra mười tiền, người ấy nên sai bày ra Hòa thượng nói: Mười tiền này là mười của tự tánh phải không? Hay là mười của duyên khởi vô tánh?

Người ấy thừa rằng: Tiền này thật là mười của tự tánh.

Hòa thượng nói: Đừng nói như vậy, mười này là mười của duyên thành, cho nên mỗi tiền có đủ mười. Nhưng người mê chưa hiểu ý này, Hòa thượng nói rằng: Nếu mười tiền này đều là mười tiền của tự tánh thì ông nên đếm, người mê nên sai đếm tiền ấy rằng: Một, hai, cho đến mười.

Bấy giờ, Hòa thượng lấy ra một tiền hỏi: Còn mấy tiền?

Bạch rằng: Chỉ còn chín.

Hòa thượng nói: Ông đếm nữa được không?

Người ấy đếm rằng: Mười định này là mười của tự tánh, vì sao ông khiến cho tiền thứ hai ở trước biến thành thứ nhất, cho đến thứ mười ở trước thành thứ chín?

Bạch rằng: Vì Hòa thượng lấy ra một tiền cho nên như thế.

Bấy giờ, Hòa thượng lại để vào một tiền, hỏi: Có mấy tiền?

Đáp: Có mười tiền.

Hòa thượng nói: Ông hãy đếm lại.

Người ấy vân lời đếm lại, một hai cho đến mười, bạch rằng: Khi Hòa thượng lấy ra một tiền thì tiền thứ hai biến thành tiền thứ nhất, Hòa thượng lại để vào một tiền thì tiền thứ nhất lại biến thành tiền thứ hai, cho nên chẳng phải tự tánh mười, mà là từ một mà có mười, từ mười mà có một cho nên mỗi mỗi duyên khởi là vô tánh.

Ngài pháp Dung nói:

Một là Hướng thượng lai: Một chỗ nói môn này đồng tiền đầu tiên

chỉ có nghĩa khứ, không có nghĩa lai, trong tiền thứ mười chỉ có nghĩa lai không có nghĩa khứ; chỗ khác nói trái với ở đây, cho rằng đồng tiền thứ nhất có năng lực đem mười đồng tiền đến, cho nên nói lai; đồng tiền thứ mười có năng lực đem mười đồng tiề nđi, nên nói là khứ.

Về bổn số, hỏi: Bản một và bản số khác nhau thế nào?

Đáp: Khi vị không trao gọi một thì mười đều nên nói rằng tôi cũng một, vì tôi cũng một nên khi đưa đồng tiền thứ nhấtcho đến thứ mười thì một của thứ nhất vốn là một, nên dưa đồng tiền thứ nhất nói là vốn đếm một, lại một đầu của số mười nên nói là bản một.

Đại ký chép: Một là một cho đến tức là bổn số.

Hỏi: Làm sao biết một đầu thọ tên pháp gốc?

Đáp: Phật tự chứng pháp lìa giải thích một hai mà không giữ tự tánh, tùy duyên mà thành, nếu gọi là một thì toàn pháp giới là một, đã đưa tiền nói rằng một, hai, cho đến mười nên nói một đầu trên được gọi là tên pháp gốc.

Hỏi: Đã xếp ngang mười đồng tiền, hễ ta lấy đi đồng tiền nào thì đếm tiền còn lại đầu tiên là một, cho đến mười đều là bổn số.

Đáp: Đã lấy đi đồng tiền nào thì đếm tiền còn lại đầu tiên là một mới là bản số, tùy theo số đồng tiền lấy ra mà thứ lớp được gọi là hai, ba... cho nên đó là số mạt.

Hỏi: Nếu ở đây Hòa thượng lấy một làm gốc thì trong kinh so sánh như pháp đếm, mười đều là bổn số thì văn làm sao hiểu?

Đáp: Vì là mười của một nên nêu mười, nên là mười của một, nên mười đều là một nên nói đều là bổn số.

Hỏi: Nếu thế thì lẽ ra mười đầu là bổn số, sao không như thế?

Đáp: Khi đưa tiền đã nói một, hai... cho nên chỉ một đầu là bản số, vì thế mười là mười của một, đều là bản số.

Ngài pháp Dung nói: Ngay nơi sinh là bất sinh, ngay nơi sinh là vô minh do duyên với hành quả mà sinh, nên biết là sinh, thuyết sinh trói buộc không sinh. Không sinh sinh vì vô minh diệt, hành diệt thì không sinh, thuyết diệt trói buộc sinh.

Nghĩa bất trụ: Lại y cứ một hạt bụi không trụ ở tự vị, cùng tận pháp giới, rõ ràng như thế. Về nghĩa trung đạo, hễ nêu lên pháp nào đều không thể so lường.

Đại ký chép: Không tự tại nghĩa là tự mình không, tức sinh bất sinh, bất sinh sinh có chứa đựng hai ý:

1. Sinh bất sinh là chứng phần của Phật pháp vô sinh; bất sinh sinh là phần duyên khởi.

2. Y cứ phần duyên khởi bất sinh: Duyên khởi quán vô lực vô sinh, sinh là quán nhân duyên có năng lực, có sinh.

Ngài Long Thọ nói: Pháp do nhân duyên sinh,có hai giải thích:

1. Ba câu đầu là đồng giáo, một câu sau là biệt giáo.

2. Tức là không: Thuộc về quán duyên khởi.

Đó là giả danh: Là quán nhân duyên, nghĩa trung đạo là quán tánh khởi.

Ngài pháp Dung nói: Vô phân biệt, trong mười tiền này hễ nêu lên mỗi tiền đều không thể suy lường, không thể nêu chỉ nên cũng không giữ tự tánh.

2. Không giữ tánh ba bốn và mười cũng không giữ, tự thành thể của một, nói nhiều. Do một mà có mười cho nên nếu lấy một thì hai ba cho đến mười đều không thành, cho nên lúc nói một thì mười đều cho phép, ta vừa một ta vừa mười dùng nhiều của một nên nói là nói về một nhiều, cho nên nói là cùng tận. dùng việc khác để nói về một nhiều nên khi nói hai thì mười đều cho phép. Ta là hai... nên nói thế. dùng việc khác để nói về một nhiều cho nên không cùng tận. vì hai cùng tận mười vì ba cùng tận mười cho đến vì mười cùng tận mười đều là đức không cùng tận của một tiền đầu tiên.

Hỏi: Dùng hai việc để nói hai nhiều cùng tận của tiền thứ hai, tiền thứ hai này có bất tận không?

Đáp: Dùng một việc mà nói một nhiều, dùng ba việc mà nói ba nhiều... đều là sự bất tận của tiền thứ hai.

Hỏi: Tạng sư nói: Mười trong một nên một của cùng tận có khác gì với một trong mười nên một của bất tận?

Đáp: Đồng.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao một trong mười không cùng tận?

Đáp: Vì trong một có đủ mười nên nói là mười trong một cùng tận, một có đủ mười chỉ là một của thứ nhất mà cùng tận mười, không phải là thứ hai, thứ ba, cho đến thứ mười mà cùng tận mười, cho nên nói một trong mười không cùng tận. Nói một của mười trong một có hai, có ba, cho đến có một trong người. Một của một trong mười không thể là hai nhiếp mười, không thể là ba nhiếp mười, cho đến không thể là một của mười nhiếp mười.

Đại ký chép: Hỏi dùng một việc để nói một nhiều có chung cho người tiền không?

Đáp: Chung. Vì y cứ vào thể của tiền cho nên lại tùy theo vị mà nói dùng hai việc để nói nhiều của hai, cũng được dùng môn khác để

lệ theo, tức là y cứ vào vị của tiền, trong đây là nói theo thể của tiền. Trong đây dùng việc khác là khiến cho người chấp khắp huân tậpnhân duyên, cho nên y cứ vào các việc khác như lìa nhơ... của các vị. Nếu khiến cho người nhân duyên tu tập duyên khởi tì mỗi việc có mười, nên y cứ vào hoan hỷ có đủ. Lìa nhơ... trong mười là việc khác, không y cứ vào lìa nhơ... của các vị, nên ở dưới lại giải thích trong đó y cứ vào một môn mà nói về tận, bất tận. cho nên y cứ vào nghĩa đầu thể không thể cùng tận, cho nên y cứ vào nghĩa đầu thể không thể cùng thận, cho nên không cùng tận, theo nghĩa sau thì không cùng tận cho nên bất tận.

Hỏi: Làm sao biết là việc khác?

Đáp: Chỉ vì hoan hỷ mà có lìa nhơ, chẳng phải lìa nhơ của nhiều giai vị.

Hỏi: Tạng sư nói: Chỉ nhiếp một môn tự là vô tận hay cũng nhiếp cả các môn vô tận khác?

Đáp: Hoặc đều niếp hoặc chỉ nhiếp tự một môn vô tận. Vì sao? Vì không có tự một môn vô tận, trong tất cả môn vô tận khác đều không thành, cho nên môn đầu đồng thể tức là nhiếp vô tận trong hai môn đồng khác, pháp giới viên cực không có tận cùng, thảy đều nhiếp hết.

Người xưa nói: Các môn khác ở trên nói trong một môn đã có mười, nhưng mười này lại tự tức nhập nhau, lớp lớp thành vô tận cho nên ý cứ tự sở nhiếp là các môn khác, vì thế mà biết chẳng phải là lìa nhơ của các địa vị.

Pháp ký chép: Lại trong một việc nghĩa không lẫn nhau, đó tức là nhiều có chỗ nói đó là nghĩa tận, bất tận trong đây nhưng giải thích lại nghĩa một nhiều trong câu tận ở đầu. Bốn câu đều giữ gìn lỗi.

Hỏi: Nếu chấp là một thì có lỗi gì?

Đáp: có lời đoạn thường, nghĩa là có mười phương có một không có mười, vì một là đoạn. Không có mười mà chấp một nên thuộc về thường, bỏ là sai.

Hỏi: Một phải chăng?

Đáp: Không, vì một tức mười.

Hỏi: Là mười phải chăng?

Đáp: Không, vì mười tức một.

Vừa một vừa mười chăng? Không, vì lìa trái nhau. Chẳng phải một chẳng phải mười chăng? Không, vì lìa hý luận. đức hiện tại là một phải chăng? Đúng, vì mười tức là một. Mười phải chăng? Đúng, vì một tức mười. Vừa là một vừa là mười phải chăng? Đúng, vì đều tồn tại vô ngại. Chẳng phải một chẳng phải mười ư? Đúng, vì dứt bặt đối đãi lìa

tướng, việc khác cũng y theo đây mà đồng. Như đồng tiền thứ nhất nói về tận, bất tận và dùng bốn câu mắc lỗi, đồng tiền thứ hai cũng y theo đây mà biết, nếu cần thì duyên thành nghĩa.

Có chỗ nói: Duyên nghĩa là cần, cần thì không có nghĩa khác.

Chỗ khác nói: Cần là nghĩa duyên, duyên thì không có nghĩa khác, một là hướng thượng hai là hướng hạ, chỉ có một đồng tiền đầu tiên nêu thể là hai, cho đến là mười. Cho nên nói hướng khứ, chẳng phải y cứ tương khứ mà nói khứ. Từ mười hướng về một nêu thể mà đến, cho nên nói lai, chẳng phải y cứ tương lai mà nói lai. Đây chính là môn, là hình đoạt môn, cho nên y cứ nghĩa khứ lai của tự thể mà nói khứ lai. Trong môn trước là tướng thuận nghĩa cho nên y cứ tương lai, nghĩa tương khứ gọi là lai khứ. Tự vị bất động mà thường lai khứ.

Hỏi: Trong môn trước thì là lực môn, cho nên có thể nói là bất động, ngay môn này là thể môn, cho nên vị là động môn, thế nào là tự vị bất động?

Đáp: Tuy nói một tức hai, một tức ba, cho đến một tức mười, mà không xả tên một cho đến đồng tiền thứ mười, nên nói tự vị bất động mà lai khứ.

Đại ký chép: Lai khứ là nghĩa tùy duyên, tức là nghĩa nhân duyên. Bất động là nghĩa bất động là nghĩa hướng bổn, tức là nghĩa duyên khởi.

Tạng sư nói: Khứ lai bất động tức là một vật, mỗi vật đều hiện một nghĩa cũng chấp nhận lẫn nhau. Vì bình đẳng không khởi cho nên gọi là duyên khởi, nên nói nghĩa hướng bản tức là nghĩa duyên khởi.

Pháp Dung ký chép: Nhân và duyên đối nhau. Tiền nhân duyên, mỗi tướng có năng lực giúp nhau, toàn lực năng sinh mà thành mười tiền. Tiền duyên khởi không có năng lực giúp nhau, không lực vô sinh mà có mười tiền. Nếu không có năng lực giúp nhau, không lực vô sinh thì không lập, cho nên duyên tập duyên tánh không thêm bớt.

Lục ký chép: Y theo sự tiền biến kế, hiện bày nhân duyên y tha duyên khởi kế, hiển bày tiền nhân duyên duyên khởi, cho nên không dùng tiền làm dụ, như thứ lớp của ba tánh, y theo pháp y của sự hiện biến kế, y theo pháp y tha hiện nhân duyên duyên khởi. Ý tiết sau thì lấy tiền làm giải thích, một là nói rằng: Ban đầu lại kế, từ cạn hiện sâu, như văn có thể biết, cũng có thể y theo ở dưới, cho nên nói về số pháp này là muốn cởi bỏ mê ngu cho nên giải thích lại rằng: Chỉ bày thẳng pháp duyên sinh không có tự tánh, vì lìa danh tướng, vớt ráo không thật có, cho nên lại y cứ chấp biến kế mà vật mê. Pháp duyên khởi giải thích

mười tiền, dùng pháp hiện số và những điều nói ở trên. Pháp lìa tướng dừng thì hoàn toàn khác, vả lại pháp đếm tiền mà thế tục biết này còn có khả năng sâu xa mầu nhiệm như thế, huống chi là điều thánh trí đã chứng kia là pháp lìa lời dứt tướng. Hiện như thế chỉ y theo chữ ở trước, cho nên văn dường như hơi ẩn. Dừng lại là lý do của việc.

Nam nhạc quán tông ký chép: tiền có bảy lớp là: Biến kế, y tha, nhân duyên, duyên khởi, tánh khởi, vô trụ và thật tướng. Một là tiền biến kế có hai, là chỗ thấy cảu phàm phu, Nhị thừa; phàm phu chỉ thấy tướng mông tròn của tiềm này, chứ không thấy do bốn đại bốn trần hợp thành, cũng chỉ thấy một, chẳng phải tướng sai biệt hai, ba khác. Rốt ráo không thấy tiền là vô tự tánh, Nhị thừa dần thấy giả nhóm họp tướng không ở đây cũng giống như tiền biến kế vì Nhị thừa tuy thấy bốn tướng mà chưa được hiểu lý pháp không, cho nên trên đây gọi chung là tiền biến kế. Người ba thừa mới hiểu được tiền này, nương vào nhân duyên khác mà khởi, lúc khởi là vô sinh cho nên gọi là y tha, mà chưa hiểu nhân duyên sơ không hai, y theo Nhất thừa nói về nhân duyên này, vì không có thân sơ nên gọi là tiền nhân duyên, nhưng từ trước trị bịnh, vì bịnh nên gọi là nhân duyên, phần ba thừa nói không có nghĩa thân sơ, nhưng nay nói thẳng nghĩa Nhất thừa thân sơ không hai, nhưng giống như môn này chỉ nói nghĩa duyên khởi hiện tiền có năng lực sinh ra quả. Kế là hiển bày nghĩa duyên khởi vô tánh không bỉnh đẳng, nên gọi là tiền duyên khởi. Cho nên kinh nói: Vì bình đẳng không khởi cho nên gọi là duyên khởi. Kế là nói không hữu chẳng hai, xen lẫn thành một thể, từ nghĩa thể không nên gọi là quán tánh khởi, ở đây phần nhiều y cứ mười hai duyên sinh mà mười phen quán lập, cho nên có chỗ nói thuận theo nghĩa ba thừa.

Hỏi: Ba môn tên có chỗ cao siêu gì mà lại nói vô trụ thật tướng?

Đáp: Cũng có chỗ cao siêu là khi nói về vô trụ thì nói không là đã đầy đủ, không cần thêm chữ hữu, thêm chữ hữu cũng vậy thôi, nói một thước tức là đầy đủ pháp, không cần thêm từ gì khác. Mỗi y cứ đều đầy đủ, mỗi tánh đều tròn đầy, không thay đổi bản vị vì khiến cho đầy đủ không chuyển trước, trên gọi khiến cho tròn đầy mà không hạn hẹp, khiến cho rộng rãi mà không lừa dối, thấp mà làm cho cao, nên người xưa nói vô trụ là tên khác của bất động, thật tướng là ban đầu nhập vào cửa chân nguyên vô danh, rốt ráo tiêu trừ mé duyên khởi cứu cánh, hiểu nhập vào hạnh, hành thành thì chứng nhập.

Bồ-tát một niệm cho đến biện tài vô ngại, Đại ký chép: Công đức một niệm của Bồ-tát mới phát tâm, cho đến y cứ vào một môn bình

đẳng. Môn đều là đồng thể, vô lượng vô biên công đức các địa, cho đến y cứ vào môn khác. Môn thứ hai trở lên là đồng thể, lúc mới phát tâm cho đến y cứ vào hành thể, đó là môn dị thể. Nhưng tuy có nghĩa nàynhưng nghĩa ở đây giải thích, bất luận là thể đồng khác, y cứ vào một môn mà hiện vô tận bình đẳng, đó là đồng tiền thứ nhất hiện vô tận. bất luận là thể đồng khác, nói theo môn khác thì nghĩa đồng tiền thứ hai trở lên, như một tiền tức mười là nói theo hành thể. Trên đây tuy nói một hiện vô tận, lại nói rằng nói theo môn khác mà không nói vô tận lớp lớp sẵn có, cho nên nay chỉ một môn mà trong môn khác sẵn có, cho nên nói như một tiền tức mười. Nói theo hành thể:

1. Vì mới phát tâm là thể của muôn hạnh. Lại tín mãn thành Phật là hạnh Phật, đứa con của a da năm tháng đều đồng, một niệm tức chín đời nên tuổi đứa bé chẳng phải nhỏ, chín đời tức một niệm nên tuổi người cha chẳng phải nhiều, cho nên lời xưa nói: Bé gái một tuổi dâm, năm mươi tuổi thì sinh, được đại trượng phu năm mươi tuổi. Bồ-tát mới phát tâm nhiếp năm mươi giai vị, tức thành giai vị diệu giác.

2. Nghĩa vô phân biệt, các pháp thể là một đồng thì nghĩa bất trụ vì ở đây không tự tại nên đồng với kia, vì kai không tự tại nnê đồng với đây. Đồng ở chung một đầu nghĩa không biết nhau nêu đầu thì ngoài đầu có chân, nêu chân cũng như thế, không thể đối nhau, tức không biết nhau không có tác giả không có nghĩa tác dụng không có người thành không có nghĩa thể tánh không có người biết, thể dụng đều vô nghĩa đây là quán duyên khởi, do vô thể dụng mới thành quả không là chứng phần của nhà pháp tánh. Kho Đà-la-ni là phần duyên khởi đó là yếu môn nhập vào nhà phần chứng; trong môn đồng giáo nói sáu tướng phương tiện, là chiếc chìa khóa tốt để mở kho biệt giáo vô trụ.

Hỏi: Yếu môn để vào nhà, chìa khóa để mở kho thì ngoài sáu tướng còn có gì để vào, để mở hay không?

Đáp: Có thuyết nói chỗ vào là chứng phần, sáu tướng chính là phần duyên khởi cho nên khác. Thuyết khác nói sáu tướng tức là nhà pháp tánh và kho Đà-la-ni, cho nên không còn chỗ vào, chỗ mở nào khác. Nhưng nói: Sáu tướng phương tiện là y cứ vào tướng khéo léo của pháp thể mà tập thành phương tiện, thể của biện tài vô ngại chẳng phải là phạm vị của ba thừa, tuy là biệt giáo vô trụ nhưng dùng sáu tướng phương tiện làm lời nói, nghĩa là trong biệt giáo tuy nghĩa tức là lời nói, lời nói tức là nghĩa, nhưng lời nói và nghĩa không lẫn lộn.

Đồng thời đầy đủ cho đến như kinh Hoa Nghiêm:

Đại ký chép: Đồng thời cụ túc tương ưng có nhiều nghĩa giải thích.

Có chỗ y theo đại sớ đồng khác đầy đủ mà nói chín môn trước đều hợp thành một, pháp đại duyên khởi làm cho nhiều nghĩa môn đồng thời đầy đủ mà nói chỉ có chung chẳng có riêng. Có chỗ nói theo cương mục thì một hạt bụi này thu nhiếp mười cặp trên, đồng thời cụ túc cũng thu nhiếp chín môn sau.

Văn huyền nghĩa chép: Tiết đầu làn nghĩa riêng đồng thời, tiết sau là nghĩa chung đồng thời, nay nói hai nghĩa đều đúng không nên cố chấp hạn cuộc. Nói đồng thời thì có chỗ nói: Lúc hải ấn tròn sáng. Có chỗ nói ở đời nhiễm chia làm mười hai thời tùy theo mà nói lại hai thuyết này đều có lý, nói trong đó có mười môn, đó là người, pháp, lý, sự... có mười cặp, hai mươi pháp, nưng khai hợp thì nghĩa không thêm bớt.

Nói mười môn: Vì sao mười pháp mà gọi là môn? Vì nghĩa sở nhập của trí là đồng. Nói tương ưng không có trước sau: Có thuyết nói thời pháp tương ưng, thuyết khác nói trong mười phổ pháp thì mỗi pháp không biết nhau.

Nhân-đà-la võng cảnh giới: Như điện thế thích có tướng màu nhiệm của mành lưới châu năm màu, ảnh hiện nhiều lớp vô cùng cực, pháp duyên khởi pháp pháp như thế, sở nhiếp nhiếp nhau lại là năng nhiếp, lớp lớp nhiếp nhau vô tận vô tận, hướng vào trong tìm tâm, mỗi nhập vẫn là bên ngoài hướng ra ngoài mà tìm biên thì có xuất ra vẫn ở trong. Cho nên, ngoài hướng ra ngoài mà tìm bêin thì có xuất ra vẫn ở trong. Cho nên người xưa nói: Thí như cung vua vó nhiều lớp cửa, khi từ ngoài vào trong vào cửa này tức là trong, nhưng trong cửa ấy lại có cửa khác, cho nên cửa vừa vào lại thành bên ngoài.

Lại nói: Vào cửa này tức là trong, mà trong cửa này lại có cửa khác cho nên cửa vừa vào lại thành bên bên ngoài, lớp lớp như thế cho nên có vào nhiều lần cũng vẫn là bên ngoài. Khi từ trong ra ngoài thì ra khỏi cửa này tức là bên ngoài, nhưng ngoài cửa này lại có cửa khác cho nên cửa vừa ra lại thành bên trong, lớp lớp như thế cho nên dù có ra nhiều lần vẫn là bên trong.

Hỏi: Nói cảnh giới là để phân biệt với môn khác, há chẳng phải là cảnh giới chứng trí, vì sao chỉ có môn này được lời này?

Đáp: Địa luận chép: Lưới đế thích khác nhau là tướng của nghĩa chân thật, tướng của nghĩa chân thật là cảnh giới của người chứng, cho nên từ văn của luận này mà lập tên môn này, chẳng phải là môn khác, chẳng phải là cảnh giới cảu người trí, trong đây có đủ mười môn trước, đó là một loại mười phổ pháp đó là tùy môn mà lập riêng. Đáp: Hai ng-

hĩa đều được, mỗi môn đều nói vì có mười pháp trước cho nên một loại cũng được, nhưng tùy môn mà không lẫn lộn cho đến trăm môn ngàn môn đều có đầy đủ, cho nên đều riêng cũng được. Từ dụ mà khác là y cứ pháp, nên nói rằng từ lớp lớp vô tận mà khác.

Hỏi: Vì sao môn đầu không có từ ngữ phân biệt này?

Đáp: Đã là môn đầu thì các môn khác không xen lạm, nếu đối với các môn sau mà phân biệt thì có thể nói: Từ không có trước sau mà khác, còn lại y cứ theo mà biết. Môn trước mười pháp đều đầy đủ, vì đầy đủ cho nên y cứ theo đây, nên nói: Người pháp Nhân-đà-la cho đến nhân quả Nhân-đà-la... các môn khác đều lệ theo đó cho nên ở cuối môn thứ mười cũng có lời này.

Bí mật ẩn hiện câu thành có văn chép: Ở trong một hạt bụi nhập vào chánh thọ, ở trên đầu sợi lông khởi Tam-muội, tự tại ẩn đây hiện kia như thế, chánh thọ khởi định đồng thời bí mật thành tựu.

Có văn chép: Ẩn thì bí mật, hiện thì hiện rõ, gọi là môn bí mật ẩn hiện câu thành. Ý đầu nói: Ẩn và hiện trong một lúc đều thành, cho nên bí mật. Ý sau nói bí mật ẩn và hiện đều thành. Từ duyên mà khác là cơ duyên, cho nên chương mười huyền nói: Tuỳ duyên mà thấy cho nên có thêm bớt. Lại nói duyên cần phải có, nghĩa là trong mười phổ pháp cần người thì người hiện các thứ khác ẩn cần thứ khác cũng như thế.

Vi tế tương dung an lập: Vi tế có công năng bao gồm chứa đựng, sự an lập chứa đựng chung cả năng sở.

Có chỗ nói trái lại rằng: Vi tế thì sự bao gồm dung nhau, cho nên có khả năng chứa đựng, an là năng an lập là sở lập.

Môn nhất đa tương dung: Một mà dung chứa nhiều nhiều mà dung chứa một, hai nghĩa bình đẳng. Môn vi tế này y cứ nghĩa một dung nhiều, cho ênn người xưa nói: Như bình lưu ly đựng nhiều hạt cả.

Lại nói: Vi tế là nghĩa khó biết, tức là hạt bụi không trở thành lớn mà có khả năng vào trong hạt bụi, lý ấy rất sâu ra khó biết. Dung nhau là một có công năng dung chứa nhiều, mỗi pháp đều cũng như thế, an lập mà một nhiều không hoại.

Lại nói: Nếu do thần thông biến hóa ra là không đúng, tức an lập là duyên khởi thật đức pháp nhĩ, vì tương dung nên nói là an lập.

Từ khác nhau: Đây là nói theo tướng, nghĩa là tướng nhỏ, tướng lớn, tướng một, tướng nhiều.

Thập thế các pháp dị thành, hỏi: Nên nói là cửu thế cách pháp, vì sao lấy chung một niệm mà nói là cách pháp?

Đáp: Vì khi chung riêng có pháp cách chung riêng, cũng không

khó. Từ thế mà khác: Trong mỗi đời đều có mười pháp, đây là cái mà thế môn có đủ.

Chư tàng thuần tạp cụ đức: Y theo phẩm mười vô tận tạng mà lập. Từ môn mà khác: Một hạnh tu lâu dài, cho nên nói thuần môn muôn hạnh đều chung, nên nói là tạp môn.

Nhất đa tương dung bất đồng: Người xưa nói hai môn vi tế tương dung, nhất đa tương dung vì sao khác nhau? Tương dung tuy đồng mà nghĩa thì khác, nghĩa là thế nào là tương dung, cho nên có môn nhất đa tương dung. Sự tương dung ấy như thế nào? Cho nên có môn vi tế tương dung. Từ lý mà khác là không đúng, nghĩa là lý chân như là đạo lý nhân quả, nghĩa là nhân có công năng đầy đủ quả, một có khả năng có nhiều.

Chư pháp tương tức tự tại: Nhân duyên đương thể, tức nhân tức quả năng thành nhân, bên ngoài không có pháp riêng để thành quả. Từ dụng mà khác: Vì đức dụng tự tại, nghĩa là nêu dụng của thể tương tức; cũng có thể y tánh: Là pháp tánh vô trụ.

Hỏi: Các môn khác sai không y theo pháp tánh vô trụ?

Đáp: Tuy đều y theo tánh có xa gần khác nhau. Nghĩa là trung môn chỉ y theo lực dụng mà nói, trong đây nói pháp do bản tánh vô trụ mà thành đương thể tức không, toàn thể tương tức, rất gần với tánh, duy tâm hồi chuyển khéo thành, mười một tâm trù lâm và mười tâm tánh khởi. Từ tâm mà khác, duy tâm hồi chuyển mà bất động.

Thác sự hiện pháp sinh giải: Việc nương gá chánh nhau thì hiện ra pháp thể vô tận, chẳng phải nương gá vào đây mà có sở biểu riêng. Từ trí mà khác, y cứ vào sinh giải.

Hoa nghiêm lược sách chép: Mười biểu vô tận, mỗi pháp đều tạo huyền, hễ nêu bất cứ một pháp nào đều có đủ mười:

1. Môn đồng thời cụ túc tương ứng: Như một giọt nước biển có đủ vị trăm sông.

2. Môn quang hiếp tự tại vô ngại: Như chiếc gương đường kính chỉ một tấc mà thấy cả ngàn đặm.

3. Môn nhất đa tương dung bất đồng: Trong ngôi nhà có ngàn ngọn đèn, ánh sáng chan hòa lẫn nhau.

4. Môn chư pháp tương tức tự tại: Như mầu vàng của vàng, cả hai không rời nhau.

5. Môn bí mật ẩn hiện câu thành ánh trăng trong hư không, ánh sáng trong đêm tối ánh chiếu nhau.

6. Môn vi tế tương dung an lập: Như bình lưu ly đựng nhiều hạt

cải.

7. Môn Nhân-đà-la võng cảnh giới: Hai chiếc gương soi vào nhau hình ảnh hiện ra nhiều vô cùng.

8. Môn thác sự hiện pháp sinh giải: Giơ tay, chạm mắt đều là đạo.

9. Môn thập thế cách pháp dị thành: Giấc mộng một đêm mà dằng dặc trăng nay.

10. Môn thủ bạn viên minh cụ đức: Sao bắc đẩu ở đâu thì các sao đều hướng về đó.

Viên thông thủ tọa ký chép: Y cứ vào thân ta mà nói về mười cặp. Mười môn:

1. Thân năm thước của ta tiêu biểu cho khiến sinh giải làm giáo, tức sở thuyên làm nghĩa.

2. Thân năm thước của ta tức đồng pháp tánh làm lý.

Kinh chép: Chúng sinh tức pháp thân, pháp thân tức của chúng sinh cho nên năm thể bốn đại rõ ràng khác nhau làm sự.

3. Thân năm thước của ta từ đầu đến chân vắng lặng vô ngại là cảnh sở quán. Quán như thế là tâm ta, trí là trí năng quán.

4. Các hành vi thiện, ác, vô ký... do ta tạo ra, do hành vi này nên được địa vị phàm phu... làm giai vị.

5. Nghiệp do ta gây ra làm nhân, báo do nghiệp này chiêu cảm là quả.

6. thân năm thước của ta là chỗ nương ở của tám muôn hộ trùng, chư Phật nói pháp đầy khắp trong lỗ chân lông của ta.

7. Tánh bản giác của ta xưa nay thường trụ, bất hoàn, bất động làm thể, hiển hiện rõ ràng làm dụng.

8. Thân năm thước của ta là người, vì thuộc về pháp duyên khởi cho nên là pháp.

9. Pháp bất thiện mà ta gây ra ngược với chân cho nên là nghịch, việc gây ra tương tự như hạnh lành là thuận.

10. Ta sẽ thành Phật, trong luân tâm ta, không giây phút nào tạm bỏ, nếu ta làm lành thì giúp cho thêm lớn, nếu ta làm ác thì sẽ bị tiêu hoại, do tâm mê của ta chiêu cảm ra. Thân năm thước của ta như thế vốn tự đầy đủ, hoặc viên mãn, hoặc từng phần, tức có đủ mười cặp như giáo... là môn đồng thời cụ túc tương ứng, năm trước bất động trùm khắp mười phương ba đời là môn quảng kiếp tự tại vô ngại. Cho nên nếu hành giả tu quán này thì bất động phàm thân, tức là tự thể tỳ lô vô tận pháp hải tổng tướng phổ hiền, tức là nội chứng cõi nước, cũng là

thể giới hoa tạng, cũng có thể gọi là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Trong phẩm hạnh nguyện sao của thiền sư khuê phong giải thích: Lột da làm giấy, chích máu làm mực chẻ xương làm viết để biên chép kinh điển.

Văn chép: Hai là quán trí giải thích, tức quán sát thân này hoặc da hoặc xương đều không có thật thể cố định. Nêu thật thể toàn không, vô ngã ngã sở. Nhưng mắt thấy dường như có thân tướng, giống như chùm bọt, ánh lửa, cây chuối, đã không có tự thể, vốn đồng pháp giới. Như thế suy cho cùng ba đế đầy đủ, thành không, giả, trung màu nhiệm. Ba quán giải thích ở đây nghĩa sinh, giải thích này khế hợp với tâm cơ, tức là chép kinh, dùng kinh để giải thích, tiêu biểu cho nghĩa sinh giải, cho nên nếu quán sát, tâm mê chấp tướng, tức là không có kinh, cũng ngay nghĩa ngày, người học Hoa Nghiêm sao không cố gắng được.

Nam nhạc quán công ký chép: Hỏi mười môn sâu xa khó có thể thấy được, xin hãy lập bày tướng môn.

Đáp: Có mười đạo lý duyên khởi:

1. Đồng thời cụ túc là đạo lý tương ưng của pháp giới.
2. Nhân-đà-la võng: Là đọ lý vô tận của pháp giới.
3. Bí mật ẩn hiện: Là đạo lý tương thành của pháp giới.
4. Vi tế tương dung: Là đạo lý tề hiện của pháp giới.
5. Thập thế cách pháp: Là đạo lý lưu chuyển của pháp giới.
6. Chư tàng thuần tạp: Là đạo lý cụ đức của pháp giới.
7. Nhất đa tương dung: Là đạo lý nhân quả của pháp giới.
8. Chư pháp tương tức: Là đạo lý đức dụng của pháp giới.
9. Duy tâm hồi chuyển: Là đạo lý tập khởi của pháp giới.
10. Thác sự hiện pháp: Đạo lý hiện tiền của pháp igới rất sâu xa.

Hỏi: Pháp quán thập huyền duyên khởi như thế nào mà thành?

Nếu tùy theo mười môn mà thành mười quán, tiến tâm rộng lớn mà không thành nhất quán. vì sao? Tùy theo mười môn riêng mà tâm đi trong đó, nếu xả mười môn quán hạnh, hạn cuộc không ứng với vô tận tức đồng với ba thừa?

Đáp: Nghĩa này thật khó, nhưng có hai nghĩa sinh giải và thành hạnh, nếu y cứ sinh giải mà nói đủ về mười môn thì không đúng, không được sinh giải vô tận. Nếu y cứ sinh giải mà nói đủ về mười môn thì không đúng, không được sinh giải vô tận. Nếu y cứ thành hạnh mà nói đủ về mười môn thì hai chữ duyên khởi, các pháp không hai tức là hiện liễu, tay đâu cần nhiều cửa. Nhưng một lời không trái với nhiều lời, nhiều không trái với một.

Kinh chép: Nếu thấy pháp duyên khởi tức là thầy lô xá na, chính là ở đây nói. Nếu thành một quán duyên khởi thì mười môn tương ưng.

Hỏi: Biển tánh ấy quả phần bất luận, Nhân-đà-là... đường tâm trí dứt, chỉ quán biển tánh đầy đủ, đâu cần thành mười quán môn chăng?

Đáp: Chỉ quán biển tánh thì quán ấy có nghiêng lệch. Bồ-tát ba thừa kia còn chiếu soi cả hai đế, đều sống trong không hữu gọi là tánh trụ, huống chi Nhất thừa không khởi thì đã khởi, cho nên lìa đầu cuối. Khởi và không khởi hợp thành một bờ mé, là đạo quán trong duyên khởi vô trụ.

Hỏi: Hành giả Nhất thừa đến địa vị nào mới có dạng vô ngại của mười môn?

Đáp: Đến địa vị giải hạnh mới có đại dụng, nếu thấy nghe vừa sinh liền thành hạt giống kim cương. Lại trong thấy nghe liền khởi đại dụng vô ngại.

Hỏi: Trong môn quảng hiệp thì bốn câu sáu câu làm sao thấy được?

Đáp: Hoặc rộng kín không bờ mé, hoặc có giới hạn rõ ràng, hoặc vừa rộng vừa hẹp, hoặc không rộng không hẹp, hoặc có đủ bốn thứ này đó là giải cảnh, hoặc dứt cả năm thứ trước, đó là hành cảnh. Trong đây, ba câu trước là nghĩa duyên khởi hiện tiền, một câu kế là nghĩa duyên khởi vô sinh.

Hỏi: Vì sau có bốn câu trước đó là giải cảnh không phải không?

Đáp: Người khởi giải vì riêng biết các pháp phổ tánh tướng riêng mới khởi chánh giải nếu không biết riêng tức là dính mắc tà kiến, cho nên hai câu trước là khắp và riêng đối nhau, hai câu sau là tánh tướng đối nhau, cho nên chương lưu chuyển chép: Hỏi một môn cô niệm liền đủ, đâu cần phân biệt rộng như trên?

Đáp: Nếu không suy nghĩ sâu xa như trước thì nghĩa ấy kiến chấp sẽ sinh, không được hàng phục, nếu không riêng biết giải hạnh là khác, tức là vọng dùng giải làm hạnh tình, nghĩa là không phá lập chung không biết, chỉ gượng hành phục phục tâm mà thực hành các quán, đồng thời cho rằng giữa chừng mà làm chẳng phải là chân hạnh rốt ráo, tăng thêm ác kiến, rơi vào lưới ma, không thể thành tựu lợi ích.

Kinh nói: Trăm ngàn vị tăng dê câm, không có trí tuệ tu tĩnh lực dù trong trăm ngàn kiếp cũng không có một người nào được Niết-bàn. Người có trí tuệ thông minh có khả năng nói pháp, nghe pháp nghĩ rằng: Trong chốc lát có khả năng mau đến Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao dứt năm thứ trước là hạnh cảnh?

Đáp: Chỉ là quán pháp chung là một thân, cho nên không có năm câu khác nhau. Vì vậy ngài vân hoa nói: Không cần nói nhiều, chỉ nói một.

Lại kinh chép: Đối với các pháp không sinh hai cách hiểu.

Hỏi: Quán pháp chung một thân, không thực hành bốn câu như rộng... có thuộc về quảng hiếp hay không?

Đáp: Tuy có một quán mà là vô trụ, cho nên tùy theo cần bao nhiêu vô ngại, như ngài vân hoa nói: Vô phân biệt bất trụ, thành tựu các việc.

Hỏi: Bốn câu trong giải, há chẳng phải là vô phân biệt hay sao? Lại trong cảnh hạnh tuy là một quán không ngại bốn câu nhưng giải hạnh khác nhau làm sao thấy được?

Đáp: Cả hai đều thông, nhưng có thêm thiên chấp, nghĩa là muốn thành giải thì dùng nghĩa nhiều của một, cái hiểu ấy không thiên lệch. Nếu muốn thành hạnh thì trở thành một trong nhiều. Quán xét hạnh ấy không loạn động.

Hỏi: Vì sao chỉ lấy đều dứt làm hạnh, nên nói trong hạnh phổ hiền đầy đủ dụng vô ngại của các câu?

Đáp: Ngài Vân Hoa nói: Thân đế tục đế chẳng thể phân biệt mà biết nhưng đối với tình kiến cho nên chua làm hai tướng, chỉ có vượt ngoài tình kiến, tương ưng nghịch thuận, vì thế nên biết dứt bặt năm thứ, chỉ là khiến cho vượt ngoài tình kiến.

Hỏi: Dứt năm câu trước thành một quán, vì sao?

Đáp: Nếu nói rộng thì không cần lời nói khác, nói hẹp cũng như thế, nhưng vượt tình kiến thì rộng hẹp tương ưng.

Lại người xưa nói: Đi bộ là giải, không đi bộ là hạnh, ở đây nói có mặt.

Lâm đức nói: Có tướng chung ly biệt, thể của các pháp rốt ráo này dứt bặt bốn câu như rộng... mới là rốt ráo của rộng... cho nên biết đều dứt các duyên của tướng riêng, chính là tướng chung của rốt ráo. Lại có chỗ nói giải là tiến tu, cảnh là các pháp như rộng hẹp... người mới tu lấy pháp vô ngại của phần duyên khởi làm sở giải, hành giả là hạnh phổ hiền của phần duyên khởi. Cảnh là biển tánh của mười Phật, nghĩa là hành nhân quả phần duyên khởi. Vì biển tánh kia là cảnh hạnh, như người xưa nói: Hành giả Nhất thừa chỉ tu biển cõi nước, chính là ở đây.

Đại ký chép: Như kinh Hoa Nghiêm, người xưa nói trong tên của đề kinh, đại phương là khí giới, quảng Phật là Phật giới, hoa là nhân trên từ đẳng giác dưới đến sáu đường tức là sinh giới. Nghiêm thì ba

uyên này khởi dung chứa lẫn nhau, tức tròn sáng tự tại. Kinh thì đối với giới ở trước dùng sáu tướng để quán trí, giải này là hạnh, giữ gìn không mất. Nếu quán trí có xen hở không được giữ gìn tương tục thì chẳng phải kinh. Chung thì đề kinh bảy chữ, riêng thì vô tận. phẩm hội đồng thì phẩm hội đều đồng, khác thì phẩm hội đều khác, thành thì duyên khởi tập thành, hoặc thì phẩm hội đều trụ.

Tứ đại thường chuyển pháp luân quán chép: Muốn được ý kinh này phải có ba đoạn:

1. Nói bảy chữ đại phương quản Phật...
2. Giải thích đại ý ba mươi chín phẩm.
3. Quán đạo lý, y theo quán mà giải thích rộng.

Trước tiên là nói về đề mục: Đại phương quảng là cảnh sở quán, Phật Hoa Nghiêm là tâm năng quán, kinh là chung cho cảnh trí. Cái gọi đại là bốn đại, phương là trần của bốn đại, quản: Mỗi trần tướng là pháp giới, hư không giới. Trong chín đời, mười đời không chỗ nào chẳng trùm khắp. Phật là tâm hiểu được lý này, hoa là tâm này thanh tịnh, vắng lặng lìa nhiễm, nghiêm là trong tâm lìa nhiễm có đủ tính chất nghịch thuận. Kinh là năng sở không hai. Đại ý của hai thích phẩm nói có chung riêng, chung là ba độc. Tức là ba trí, trong mỗi trí có mười đức, nên nhân lên thành ba mươi. Lại trong mỗi trí có ba đời, có đủ kiến, văn, gaỉi, hành, chứng, có đủ ba thế gian, đó là chín phẩm. Riêng thì ba hiện đạo lý, y theo quán mà giải thích rộng, trước dung tâm tướng, giải thích ý kinh này. Thế nào là dung tâm tướng? Một niệm vô sinh, chánh niệm quán tâm, tương ưng với lý thật tướng, lìa các tâm tướng. Bấy giờ có được mười thứ lợi ích, ba là trong thân tâm mình thấy đầy đủ các pháp, như cầm gương sáng tự thấy mặt mình.

Mười thứ lợi ích:

1. Trong thân tâm mình có giới, định, tuệ, tất cả pháp như kinh nói định tâm lại một chỗ không việc gì chẳng làm xong, buộc tâm ở một chỗ có công năng mở cửa trí tuệ, giữa nhất tâm không dời đổi, tinh thần không tán loạn, muôn linh che chỡ, mới học Tam-muội không thể nghĩ bàn, buộc tâm vào một duyên, nếu huân tập lâu ngày, quán tâm thành tựu không còn tam tướng thường đi chung với định, tất cả tâm tướng tức chẳng phải tâm, đó gọi là định không thể nghĩ bàn.

Kinh có năm thứ:

1. Nhất thiết kinh.
2. Tâm kinh.
3. Tự thể kinh.

4. Tự trụ kinh.

5. Thật tướng kinh.

Nghĩa là đối với nhất pháp giới dùng ấn nhất tâm để ấn thể các duyên, tất cả các duyên đều là ấn văn, cho nên là nhất thiết kinh. Nhiết thiết kinh này chỉ có lượng nhất tâm, cho nên là nhất tâm kinh. Các pháp của tâm có tự thể, cho nên là tự thể kinh. Tự thể vô ngã đối với tất cả không mê đắm, nên là vô trụ kinh. Vô trụ kinh này vắng lặng vô tướng, cho nên là thật tướng kinh. Ban đầu là văn tự kinh, kế là nghĩa kinh kế là quán kinh, kế là định kinh, sau là nhất pháp kinh.

Tâm luân sao chép: Lúc mới thành Chánh giác, Phật nhập Tam-muội hải ấn, pháp môn sở chứng lược có sáu lớp kinh:

1. Ly nội ngoại kinh.
2. Hướng nội kinh.
3. Hướng ngoại kinh.
4. Nội ngoại tương ưng kinh.
5. Nội trung lược thuyết kinh.
6. Cơ tướng thuyết kinh.

Ba thứ kinh trước là qỉa phần tự lợi, quả phần biệt giáo, ba thứ kinh sau là nhân phần tự lợi, nhân phần biệt giáo.

Viên thông thủ tọa ký chép: Ở đầu kinh Hoa Nghiêm, bốn chữ tôi nghe như vầy giải thích có ba nghĩa, đối với đây thì mới thành Chánh giác cũng có ba nghĩa: Một là chỗ lìa lời vắng lặng, là tánh bặt tướng không thể gọi tên, chỗ huyền vi siêu xuất ngoài ý. Pháp tánh không thể gọi tên: Danh vị chữ pháp trong pháp giới là chỗ bất động. Như thân năm thước của ta ngày nay chỉ là năm thước, trên năm thước này không thể gọi là Phật là pháp, không thể gọi là pháp tánh, năm thước này gọi là chánh tức pháp thể. Nhưng gọi tên này là do pháp lập ra, như thế chấp chỗ không thể đến, vượ ra ngoài ý, lại nói là bặt tướng.

Hỏi: Chỉ nói là năm thước, khi duyên khởi có thể cho phép nghĩa này thế nào là biển tánh?

Đáp: Đối với năm thước này gọi là trong duyên lập pháp năm thước là duyên khởi nhân phần, đó gọi là ngoài ra không còn một pháp để lập, là tánh hải quả phần, cho nên tạng sư nói: Duyên không có duyên riêng vì thế đều là duyên, cho nên duyên sai biệt sinh khởi, tức là biển cõi sâu xa.

Hòa thượng tướng nói: Lời nói ở chứng không khác với bổn, cho nên trong giáo phần, lời nói là năng thuyên giải thích sở thuyên. Nay ở đây, lời nói là thể của chứng, không có năng thuyên, sở thuyên khác

nhau.

Hỏi: Trên thân năm thước của ta không được gọi là Phật, cũng không được gọi là pháp thì lấy gì chứng minh để biết được?

Đáp: Lời tu đã nói ra làm bằng chứng, nhưng tìm người kiêm chứng, phẩm quang kinh giác chép: Trong nhiều không có tánh một, một cũng không có nhiều. Ngài thí tướng dẫn đây làm chứng cho tức môn, nhưng lời nói nhiều chỉ là nhiều, trong nhiều không còn thành tánh một. Nói một chỉ là một, trong một không còn thành tánh của nhiều, cho nên chỉ là thân năm thước của ta, đối với thân này không được gọi là Phật, pháp. Dùng nghĩa ấy giải thích văn này. Như là giống như, tức là pháp bổn như giống như chữ đều cho nên chánh tức là tôi nghe, ý này chỉ có tôi nghe tôi nghe trở lên không còn thêm lời nào khác. Đã y cứ tôi nói cho nên chỉ có tôi, trên đó không còn thêm gì, như danh vị của Phật và Bồ-tát... nghe bị hạn cuộc ở ngã.

Hỏi: Đã dứt danh lìa tướng, vì sao lại nêu từ ngữ năm thước?

Đáp: Tên gọi năm thước trong chứng phần này tức là thể của thật pháp, ngoài tên gọi này không còn pháp thể nào. Trong phần duyên khởi, tên ọig và nghĩa hai danh vị khác nhau, nên làm cho tức nhau. Nay trong chứng phần này không phải như thế. thứ hai là lìa tu lìa chứng, viên cực chí đạo. Không phân biệt xứ và người, Phật này không khác chủ, cùng với khí xúc sự như thế. Cho nên, phẩm quang minh giác chép: Cõi nước và chúng sinh một khác không thật có, khéo quán sát như thế gọi là biết nghĩa Phật pháp, xứ và người không phân biệt, chủ và khí không phân, khí và chúng sinh vốn chẳng khác, vì là nhất Phật thể, lại cũng chẳng phải một. Vì mỗi mỗi bất động tự là danh vị. Do đây mà được biết, lìa ba thế gian là một Phật thể, chẳng phải dung thông ba phương thành một. Tuy một Phật thể tức ba thế gian nhưng chẳng phải chia một thành ba. Cho nên, danh vị của ba thế gian là bất động, đó tức là Phật. dùng nghĩa ấy để giải thích văn này, như khi tôi và nghe là một thì tức là Phật. Nói theo nghĩa hai lớp trên này thì bốn chữ tôi nghe như vầy chính là pháp thể rốt ráo, không lấy đây làm đầu để phân biệt với nghĩa mà văn dưới gọi. Thứ ba là mặt trời trí chánh giác xuất hiện dưới cây đạo, nghĩa là y cứ theo Phật nói về Phật thì các pháp trong pháp giới đều là Phật, nhưng tùy theo duyên chúng sinh mà thị hiện có thành Phật, thị hiện có nói pháp, cho nên ở dưới cây đạo mới thành Chánh giác. Y cứ theo nghĩa này mà giải thích thì pháp ở bảy chỗ tám hội là do Phật nói, còn người kiết tập nói là tôi nghe như vầy. Vì thế chương chủ y theo nghĩa này mà nói: Phân biệt nghĩa mà văn ở dưới nói. Y cứ

vào ba phần trên thì thứ nhất là sở chứng của Phật, thứ hai Phật là năng chứng, đủ hai Phật này là định hải ấn, cùng với định này đều là trí năng chứng, gọi là đại không, đại hư không này tùy theo căn cơ cần dùng mà thành các tên gọi, pháp được hình thành dùng bụi mà tính đếm cũng khó cùng tận, nói yếu lược thì không ngoài mười thứ. Ba khoa trăm pháp mà ba thừa nói là từ thứ dị thục sinh ra, không nói về nghĩa chủ bạn thành nhuau. Nay mười pháp này vốn là đối với chứng trí, trong đại hư không đều có tên gọi, nên gọi là chủ bạn thành tông. Lại trong ba Phật, hai Phật đầu là chứng phần của mới thành Chánh giác, Phật thứ ba là giáo phần của mới thành Chánh giác. Theo nghĩa đầu trong chứng phần thì là sở chứng, nghĩa thứ hai là viên trí năng chứng, giáo phần tức là viên trí này, là nghĩa tương ưng với duyên.

Hỏi: Nếu dùng nghĩa đầu để giải thích kiến thì như vầy tức là tôi nghe, mới thành Chánh giác làm sao giải thích?

Đáp: Đều dùng ví dụ này để giải thích, nghĩa là nhất thời cũng tức là pháp tánh đầy đủ, không còn thêm chỗ nào cũng như thế.

Mới thành Chánh giác: Cũng chẳng phải xưa mê nay giác nên gọi là pháp giới rốt ráo, mé ba đời, tức là pháp thể đầy đủ rốt ráo, cho đến cuối kinh loại sáu mươi quyển có bài kệ nói về tâm chúng sinh nhiều như bụi nhỏ cũng như thế, nếu dùng nghĩa thứ hai để giải thích kiến thì như là lúc tôi và nghe hợp thành một, tức là Phật. Tôi là năng nghe, nghe là sở nghe, ngã năng văn và pháp sở văn hai mà không hai, chỉ là một thể, tức là thể như Phật. xứ là bổ đề là thể của Phật y cứ vào viên hiện mà thấy. Mới thành Chánh giác là Phật thứ ba dùng các nghĩa này để giải thích một bộ, đầu cuối mới là diệu.

Cổ ký chép: Đại kinh lược có mười lớp giải thích:

1. Kinh an lạc, ba hiền, mười địa, ba thừa. Kinh này nói về ba hiền, mười địa Nhất thừa. Nếu y cứ theo nghĩa ấy để giải thích văn kin này thì tôi nghe như vầy, một thuở nọ Phật mới thành Chánh giác, thứ nhất là trong đạo tràng vắng lặng ngài nói về thế giới Hoa tạng.

2. Trong phổ quang đường nói về thập tín, cho đến thứ tám trong nước xá vệ nói về nhập pháp giới. Y cứ vào thứ lớp hành bố trong kinh này, ba thừa sáu tướng viên dung là Nhất thừa, y cứ theo nghĩa này mà giải thích tôi nghe như vầy cho đến trong đạo tràng vắng lặng nói về thế giới Hoa tạng. Trong phổ quang đường của đạo tràng vắng lặngnói về thập tín, cho đến tám là ở nước xá vệ trong đạo tràng vắng lặng nói về nhập pháp giới.

3. Hai nghĩa trước tiêu biểu cho tướng, cho nên trong ba thừa thì

Nhất thừa, y cứ theo nghĩa này mà giải thích thì tôi nghe như vầy cho đến thứ nhất trong nước xá vệ nói về thế giới Hoa tạng, thứ hai là trong phổ quang đường nói về thập tín, thứ ba là ở cung trời tha hóa nói về thập trụ. Thứ tư là ở cung trời đâu suất nói về thập hạnh, cho đến thứ tâm là ở đạo tràng vắng lặng nói về nhập pháp giới. Nghĩa này là hia mươi hai vị phổ hiền, tức là vị thoát vị cho nên không có hơn kém. Trong bốn thứ trước đều là tiêu biểu cho ba thừa. Phổ hiền vô tận pháp số hiện là Nhất thừa. Y cứ vào nghĩa này mà giải thích tôi nghe như vầy cho đến trong đạo tràng vắng lặng nói về thế giới Hoa tạng. Thứ hai là trong đạo tràng vắng lặng nói về thập tín, cho đến thứ tám là trong đạo tràng vắng lặng nói về nhập pháp giới, hư không vô văn tự là Nhất thừa, thứ sáu hư không vô văn tự là ba thừa, hư không có văn tự là Nhất thừa, tứ bày trước là giáo phần, đó là nhân môn phổ hiền, cho nên là ba thừa. Phật hướng ra bên ngoài là Nhất thừa.thứ tám Phật hướng ra bên ngoài là ba thừa, Phật hướng vào bên trong là Nhất thừa. Thứ chín Phật hướng vào bên trong là ba thừa, lìa hướng và bối là Nhất thừa. Thứ mười lìa hướng bối là ba thừa, pháp tánh là Nhất thừa. Đây là phạm thể đức truyền nhuận huyền đức thọ.

Phạm thể đức nói: Nếu không biết được mười lớp giải trong kinh Hoa Nghiêm thì người giải thích không bao giờ biết được văn nghĩa của Hoa Nghiêm, lại nếu không biết tám lớp giải thích trong luận khởi tín thì cũng không thể hiểu được văn nghĩa của luận này.

Trong Hoa Nghiêm Tam-muội Quán Môn của Đại sư Hiền Thủ, hỏi rằng: Chúng sinh tu hành là phải thọ trì thánh giáo, có phải xả giáo hay không?

Đáp: Có mười loại:

1. Tự có chúng sinh không biết nên xả bỏ thầy có lời thánh, tự làm ngu tâm mình, lại theo bạn tà trái giáo tu hành lừa dối mê hoặc đó là người ác.

2. Có chúng sinh bỏ thánh giáo, dùng tâm ngay thẳng cho là xuất yếu siêng năng khổ nhọc tu hành, cuối cùng không được lợi ích gì, hai người này đều xả thánh giáo, không y theo nghĩa lý.

3. Chỉ tụng lời của bậc thánh mà không hiểu ý nghĩa, nương vào thánh giáo cầu danh cầu lợi, trái với những gì mình đã đọc tung, cũng là hạng người ác.

4. Chỉ dạy theo câu văn, không biết nghĩa lý, chỉ dùng tâm ngay thẳng đọc tụng, tuy không có tâm gian dối nhưng cũng chẳng được lợi ích. Hai hạng người trên đây đều không xả giáo nhưng không được ng-

hĩa lý. Bốn môn trên đây đều không nên y theo.

5. Đọc tụng thánh giáo, phân biệt biết hành giả, thường đọc văn cú ít có tu hành.

6. Tìm nhiều thánh giáo, biết khắp giải thành tam lược lời thánh lấy ý chuyen tu.

7. Thọ trì được ý, chỉ để tu hành không còn tìm lời hay.

8. Tìm giáo được ý chỉ, biết tất cả pháp đều xứng tánh, cho nên đối với giáo cũng không xả ngay nơi ngôn giáo xứng tánh này y theo giáo tu hành.

9. Thường thọ trì lời xứng tánh, không xả không mê đắm, thường quán lý dứt lời, không bỏ không dính mắc. Năm môn trên giống như chưa rốt ráo.

10. Tìm giáo được thật lý, lý giáo vô ngại, thường quán lý mà không ngại trì giáom thường trì giáo mà chẳng ngại quán không. Ở đây giáo lý đều dung hợp thành một quán mới gọi là rốt ráo.

Mười môn trên đây, bốn môn trước hoàn toàn không nên y theo năm môn kế là từ cạn đến sâu, tùy căn cơ mà ngộ nhập. Nhưng phương tiện đổi phàm thành thành vẫn chưa rốt ráo, chỉ có môn thứ mười mới là rốt ráo. Lại, Đại sư Hiền Thủ nói thọ trì kinh Đại thừa phải biết năm pháp:

1. Nói văn có năm, nghĩa là phải khéo biết phần đoạn khởi tận, trước sau nối tiếp, thứ lớp liên hợp giải thích nghĩa viên mãn không thêm không bớt.

2. Hiểu việc ấym cũng có năm đó là nói xứ, nói chủ, theo chúng, thỉnh nghi và điều do viên âm nói ra.

3. Đạt được nghĩa ấy, cũng có năm là lược nêu cương yếu, giải thích rộng dứt nghi, thí dụ giúp cho hiểu, dẫn việc chứng thành và nêu lợi ích khuyến học.

4. Được ý cũng có năm: Khiến phát đại tâm, quán chân lý, hàng phụ phiền noã, từ bi cứu giúp chúng sinh và siêng tu muôn hạnh.

5. Tu hạnh ấy tự có năm thứ:

1. Thực hành pháp đã nghe, đối với thân tâm chưa hề dừng nghĩ.

2. Trải qua bốn môn trước, kế là khởi tâm cao siêu đối với văn giáo trước khởi ý tưởng khó gặp, đối với sự tướng ở trước khởi tâm tôn trọng, than Phật khó gặp, thương mình bạc phước, đối với nghĩa lý ở trước khởi tâm yêu thích đối với ý chỉ ở trước vừa thương xót vừa vui mừng.

3. Thọ trì chánh pháp, nghĩa là biên chép lưu thông kinh giáo,

cùng tận sự tướng, tiêu biểu cho Phật pháp hội nhiếp lược nghĩa kinh điển chỉ bày cho hành nhân.

4. Tự hành thêm lớn gần gũi, buộc niệm suy nghĩ bạn lành.

5. Thành tựu hạnh vô ngại, nghĩa là được ý chỉ thì quên phương tiện, vì thế không nên giữ lại.

Ý chí là do giáo cho nên không thể xả bỏ, vì thế mà đối với giáo sinh ra hạnh không giữ không bỏ, ở đây tuy chia thành mười pháp hạnh nhưng các duyên giúp thành gồm cả chánh duyên, trợ duyên, gọi là thọ trì tu tập đều nương theo đây. có thể nói viên nhân siêng tu không lui sụt đều chứng quả viên mãn, tự giáo chí đường, xưa nay có y theo pháp tu học các điềm lành cảm thông loại ấy thật nhiều, có nói đầy đủ trong Hoa Nghiêm truyện và Toản Linh ký.